



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 347, NĂM THỨ 28

THÁNG 6-2023



Kính mừng Phật Đản 2647
Phật lịch 2567

Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TỈNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Kính mừng Phật Đản 2647 Phật lịch 2567</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Đôi nét về đạo Phật và GHPGVN</u>	BTGCP	7
<u>Pháp Cú: 397 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	9
<u>Thơ: Những điệp khúc cho dương cầm</u>	Thích Tuệ Sỹ	9
<u>Thơ: Dưới đài sen Sảng mùa Xuân</u>	Tuệ Nga	10
<u>Tìm hiểu về mục đích tu hành ...</u>	Diệu Âm Trí Thành	11
<u>Hư Hư Lục: Bàn tay đã mất</u>	Thích Nữ Như Thủy	15
<u>Thực trạng cách thức hành đạo vùng sâu, vùng xa</u>	PGVN	16
<u>Sức mạnh của tinh thần yêu thương</u>	Thích Minh Trí	19
<u>Nếp sống đạo đức, lành mạnh của người Pt.</u>	TK Định Phúc	22
<u>Hư Hư Lục: Mối tình có duyên</u>	Thích Nữ Như Thủy	25
<u>Con đường và hương vị giải thoát</u>	Kiên Thường Văn	26
<u>Thơ: Mai tôi đi</u>	Thái Thúc Hoàng Minh	30

Tranh bìa **Hoa Sen**

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Kính mừng Phật Đản 2647 Phật lịch 2567

Lễ Phật Đản (Vesak) còn gọi là lễ Tam Hợp là lễ kỷ niệm cho ba ngày khác nhau là ngày đản sinh, ngày chuyển pháp luân và ngày nhập niết bàn của Đức Phật.

Lễ Phật đản tại Việt Nam và một số quốc gia được ấn định là ngày rằm tháng 4 âm lịch. Trong năm nay, đó là ngày thứ Sáu 02/06/2023 dương lịch.

Liên Hợp Quốc cũng giữ Lễ Phật Đản “vào ngày trăng tròn tháng 5 dương lịch”, tức cũng thường trùng với ngày rằm tháng 4 âm lịch.

Tại sao có sự khác biệt về số lần Phật Đản và năm Phật lịch?

Phật lịch bắt đầu từ lúc Phật Thích Ca nhập diệt, lúc 80 tuổi. Năm đó là 544 Trước dương lịch. Cho nên Phật lịch năm nay là 2023 cộng với 544 năm là 2567, nhưng Phật Đản thì phải cộng thêm 80 năm, nên Phật đản là 2647.

Hôm nay, nhân mùa Phật Đản, chúng ta hãy ôn lại các giáo pháp chính đức Phật Thích Ca dạy, qua 2 bài kinh:

1. Kinh Chuyển Pháp Luân: Bài giảng đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như tại Vườn Nai, ngày nay tại thành phố Varanasi Ấn Độ, là những người đã từng tu chung với Đức Phật trước đó. Kinh này nói về giáo pháp căn bản nhất của Phật gia: Bốn Chân Lý Vi Diệu và Tám Con Đường Chánh (Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo).

2. Kinh Lời Dạy Sau Cùng: Bài giảng cuối cùng trước khi Phật nhập diệt. Với 18 đoạn dặn dò quan trọng cho các đệ tử. Chúng ta cần nhận ra là lời dạy kế cuối – đoạn 17 – của Kinh Lời Dạy Sau Cùng là nhắc lại Kinh Chuyển Pháp Luân – kinh đầu tiên – cho thấy Kinh Chuyển Pháp Luân quan trọng thế nào.

Lời dặn cuối cùng – đoạn 18 – là: *“Đệ tử của Như Lai hãy noi theo truyền thống chánh pháp mà thực hành. Đó là cách làm cho pháp thân Như Lai thường còn, và mãi mãi bất diệt ở thế gian.”*

Chúng ta kính mừng Phật Đản với lòng thành tâm nguyện hằng ngày thực hành lời Phật dạy.

Theo trang Web: Đọt Chuối Non

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

Bài 31

Ba lãnh vực tu tập về sức chịu đựng

Tất nhiên là việc luyện tập về sức về sức chịu đựng không nhất thiết chỉ để chống lại những người tấn công mình bằng lời nói hay gây gộc (*mà còn là để chống lại các khó khăn khác trong các cảnh huống bên ngoài và cả bên trong chính mình*). Kinh sách Phật giáo nêu lên ba lãnh vực tu tập nhằm phát huy sức chịu đựng đó.

1- Thiên nhiên

Trước hết là lãnh vực thiên nhiên, tức là vũ trụ vật chất bao quanh chúng ta, trong đó chủ yếu nhất là thời gian. Trên phương diện tổng quát, chẳng hạn như tiết trời quá lạnh hay quá nóng, gió thổi quá mạnh hay mưa quá nhiều, hoặc trời âm u thiếu nắng. Trước những biến đổi bất thường đó, chúng ta cần phải phát động một mức độ chịu đựng nào đó. Các thiên tai vượt khỏi sự chủ động của con người, chẳng hạn như hỏa hoạn, ngập lụt, động đất, sấm sét, đòi hỏi chúng ta phải phát động một sức chịu đựng to lớn hơn.

2- Thân thể của chính mình

Ngoài môi trường chung

quanh, chúng ta còn phải tập chịu đựng những gì xảy ra trên thân thể mình, nhất là các thứ bệnh tật và các sự đau đớn. Chúng ta không nên nổi giận với thân thể mình và các sự đau đớn trên thân xác mình. Chúng ta tạo ra thân thể mình, vì thế chính mình phải là người chịu trách nhiệm đối với thân thể mình, Chúng ta tìm mọi cách để làm nhẹ bớt những sự đau đớn thể xác đó, thế nhưng phải hiểu rằng, đối với mình cũng như với tất cả các kẻ khác, không ai có thể hoàn toàn rút bỏ khổ đau (*đối với Phật giáo khổ đau mang tính cách hiện sinh, gắn liền với sự sống*), mà phải chấp nhận nó một cách thật tự nhiên với tất cả sức chịu đựng của mình. Dù hiện nay mình đang khỏe mạnh, thế nhưng sớm muộn thì sự già nua và cái chết cũng sẽ xảy đến với mình. Trong thế giới Tây phương ngày nay, nhiều người không chấp nhận sự già nua với một thái độ thân thiện, đôi khi điều đó có thể đưa đến các hậu quả thảm thương. Trái lại tại phương Đông, trong các xã hội mang truyền thống lâu đời, nhiều người thường tỏ ra sẵn sàng chờ đón sự già nua của mình và xem đó như là một khoảng thời gian sung sướng nhất trong cả cuộc đời mình. Tất cả các thứ đam mê và xúc cảm khuấy động của tuổi trẻ đều lắng xuống. Chúng ta có nhiều kinh nghiệm hơn, và nhờ đó biết đâu một chút trí tuệ cũng sẽ hiện ra với mình. Sau khi đã giao phó tất cả cho thế hệ sau, chúng ta sẽ có ít trách nhiệm hơn, đồng thời cũng có nhiều thời giờ hơn để suy tư, kể cả thiền định. Đối với cái chết thì lại là cả một chuyện khác nữa,

thế nhưng đối với hầu hết mọi người, dù là ở phương trời nào cũng vậy (*dù là tại Đông phương hay Tây phương*), đó là điều cần phải suy nghĩ. Thế nhưng, dù muốn hay không, cái chết một ngày nào đó cũng sẽ xảy đến với mình. Điều đó báo trước cho chúng ta biết là phải luyện tập sức chịu đựng để đối phó với sự ý thức đó.

3- Các kẻ khác

Lĩnh vực luyện tập thứ ba về sức chịu đựng là để đối với kẻ khác. Thế nhưng thật ra trước nhất những gì gay go hơn cả là phải đối đầu với thời gian và các thứ đau đớn trên thân thể mình. Đối với các kẻ khác có thể không hẳn là một sự khó khăn, vì thế nên chính Jean-Paul Sartre (1905-1980, *văn sĩ và triết gia người Pháp, chủ xướng thuyết hiện sinh / existentialism, cho rằng con người tự tạo ra cho mình bản thể / essence của sự sống của chính mình qua các hành động của mình, và các hành động đó không hề được quy định hay đóng khung từ trước bởi các giáo lý thân học, triết học hay đạo đức nào cả. Con người là chủ nhân ông các hành động của mình*) từng nói với chúng ta:

"Địa ngục là dành cho kẻ khác".

Thế nhưng người ta cũng có thể bảo rằng thiên đường cũng là dành cho kẻ khác, nhưng đây lại là chuyện khác (*mình chỉ nhìn thấy hạnh phúc của kẻ khác nhưng không trông thấy khổ đau của họ*). Trong kinh sách Phật giáo cũng như trong cuộc sống cá nhân của một người Phật giáo, lý tưởng của sự chịu đựng đôi khi được nêu cao một cách thật ngoạn mục, chẳng hạn như trong câu chuyện ngụ ngôn về chiếc lưỡi cưa. Một hôm Đức Phật triệu tập tất cả các đệ tử và nói với họ như sau:

- "Này các tỳ-kheo, hãy hình dung trường hợp các tỳ-kheo đi ngang một khu rừng và bị một bọn cướp bắt, họ dùng một lưỡi cưa thật sắc có hai cán [ở hai đầu lưỡi cưa] lần lượt cưa tay, cưa chân các tỳ-kheo. Trong trường hợp đó, nếu có một chút ác tâm nào hiện lên trong tâm thức thì các tỳ-kheo sẽ không xứng đáng là đệ tử của ta".

Sự cực đoan trên đây có thể - và cũng là một sự bắt buộc - nêu lên lý tưởng và cũng là mục đích tối thượng của sự nhẫn nhục. Tuy nhiên vấn đề không phải là nghiền răng lại để đè nén sự giận dữ và các thứ cảm tính [hận thù] khác trong nội tâm mình. Thật hết sức rõ ràng Giáo huấn của Đức Phật cho biết sự chịu đựng nhất thiết là một thể dạng tâm thần mang tích cách tích cực, một cung cách hành xử bằng tình thương yêu. Sau khi nêu lên câu chuyện ngụ ngôn về lưỡi cưa trên đây, Đức Phật nói tiếp như sau:

" Vì thế các tỳ-kheo phải chuyên cần luyện tập. Nếu có người nói xấu mình thì các tỳ-kheo phải luyện tập như thế này: 'Con tim tôi không phải vì thế mà bị xao xuyên, tôi không để bất cứ một lời độc ác nào có thể bùng lên, mà luôn phải phát động lòng từ bi mang lại sự tốt lành cho kẻ khác, tôi khơi động tình thương trong tim tôi, không một thoáng oán giận nào. Tôi mở rộng lòng tôi để quàng lên người đã thốt lên những lời nói [ác độc] đó với tất cả những ý nghĩ thương yêu trong tôi hầu che chở cho người ấy, và an trú trong thể dạng [tâm thần] đó. Hãy xem thể dạng đó là bản chất của mình và hướng tất cả những ý nghĩ thương yêu, to rộng, vô biên, không một thoáng hận thù hay ác cảm, vào toàn thể thế giới, và thường trú trong thể dạng đó'. Đây là cách mà các tỳ-kheo phải luyện

tập".

Trong kinh *Dhammapada* (*Pháp cú*) có một câu thật ngắn gọn có thể nói lên ý nghĩa của sự nhẫn nhục: "*Phát huy sức chịu đựng là phép luyện tập khổ hạnh cao đẹp nhất*" (câu 184 trong kinh *Dhammapada*).

Chữ khổ hạnh (asceticism) được dịch từ chữ *tapa* (hay *tapo*) [trong tiếng Pali], là một từ thường được dùng để chỉ định các phép luyện tập xoay quanh các mối ân hận, các sự khắc khổ và hành xác. Các hình thức tu tập này rất phổ biến trong các thời kỳ cổ đại tại Ấn độ. Nhiều người nhịn đói hàng tháng, chỉ ăn vài hạt cơm mỗi ngày hay mỗi hai ngày, hoặc suốt trong một tuần. Họ tự treo hai chân lên một cành cây đầu hướng xuống đất và thiền định trong tư thế đó. Hoặc họ cũng có thể giữ tư thế đứng yên hai tay chấp lại và đưa lên trời, và giữ như thế hàng tháng cho đến khi nào không còn chịu đựng được nữa. Ngoài ra họ còn có một phép luyện tập khác rất nổi tiếng gọi là *pancca agni tapasya*, một phép luyện tập khổ hạnh bằng năm ngọn lửa. Họ đốt bốn đồng lửa theo bốn hướng, đông tây nam bắc, khi các đồng lửa bắt đầu cháy đỏ thì người hành thiền ngồi vào giữa, trên đỉnh đầu là mặt trời, là ngọn lửa thứ năm. Trong kinh điển Pali cũng có nói đến cách luyện tập hành xác này. Tất cả các cách luyện tập ấy rất thịnh hành trong thời đại của Đức Phật. Nhiều người cho rằng các phương pháp này sẽ mang lại sự giải thoát, họ tin rằng càng dày đọa thân xác thì tâm thức càng trở nên tinh khiết, bén nhạy, tinh tế và tinh thức hơn.

Đức Phật không đồng ý với quan điểm đó, bởi vì qua sự chứng nghiệm của riêng mình sau sáu năm ròng rã luyện tập thật chuyên cần, thì các phương pháp đó

không hề cho thấy một hiệu quả nào cả. Và sau đó Đức Phật nhận thấy sự kiên nhẫn và sức chịu đựng mới đúng thật là các phép khổ hạnh cao đẹp nhất trong số tất cả các phép khổ hạnh khác. Điều đó cũng tương tự như Ngài nói với chúng ta:

"Nếu muốn luyện tập khổ hạnh thì không cần phải bày ra một cảnh huống đặc biệt nào cả, cũng không cần phải ngồi yên giữa năm đồng lửa, mà hãy cứ hòa mình với cuộc sống thường nhật. Điều đó cũng thừa đủ tạo ra mọi thứ cảnh huống [khó khăn] giúp mình luyện tập sự chịu đựng".

"Vì thế các tỳ-kheo phải chuyên cần luyện tập. Nếu có một người nào đó nói xấu mình thì các tỳ-kheo phải luyện tập như thế này: 'Con tim tôi không phải vì thế mà bị xao xuyên, tôi cũng không thốt lên một lời ác độc nào, mà chỉ khơi động trong tôi lòng từ bi vì sự tốt lành của kẻ khác, tim tôi tràn ngập thương yêu, không một thoáng hận thù. Tôi quàng lên người nói lên những lời [thỏa mạ] đó với tất cả những cảm nghĩ thương yêu của tôi, và tôi sẽ thường trú trong thể dạng thương yêu đó. Tôi xem đó như là bản chất của chính tôi, giúp tôi thấm đượm toàn thể thế giới bằng những ý nghĩ thương yêu, to rộng, vô biên, không một thoáng oán hận hay ác tâm, và tôi thường xuyên an trú trong thể dạng đó'. Đây là cách mà các tỳ-kheo phải luyện tập".

Nói một cách khác, chấp nhận đối đầu với các khó khăn trong cuộc sống chính là cách luyện tập tốt nhất để phát huy sức chịu đựng, và thật ra thì đây cũng là cách luyện tập khổ hạnh gay go nhất.

Bures-Sur-Yvette, 05.03.21

Hoang Phong chuyển ngữ

Đôi nét về đạo Phật và Giáo hội Phật Giáo Việt Nam

Nguồn BTGCP

QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ ĐẠO PHẬT VÀO VIỆT NAM

Theo sử sách Phật giáo Việt Nam còn ghi lại, đạo Phật du nhập vào Việt Nam cả 2 hệ phái: Phật giáo Nam tông (từ phía Nam truyền xuống) và Phật giáo Bắc tông (từ phía Bắc truyền sang) qua 2 con đường:

- Đường bộ: năm 198 Phật giáo chính thức được truyền vào Việt Nam qua đường bộ từ Trung Quốc xuống với tên tuổi của các danh Tăng nổi tiếng như: Ma Ha Kỳ Vực, Khâu Đà La...

- Đường thủy: đạo Phật được truyền vào Việt Nam từ 2 hướng:

+ Thế kỷ XIII, đạo Phật được truyền từ Srilanka vào “Thủy Chân Lạp”, nay là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Khoảng giữa thế kỷ XVI, vào thời nhà Thanh ở Trung Quốc, khi đời sống xã hội bất ổn, một số thiền sư thuộc Thiền phái Lâm Tế đã đi theo các tàu buôn sang lánh nạn ở Việt Nam và địa phương nơi tiếp nhận phái thiền này đầu tiên là khu vực tỉnh Bình Định ngày nay.

Có một số nhà nghiên cứu cho rằng có dấu hiệu đạo Phật du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ III (trước công nguyên) tại khu vực Đồ Sơn (thành phố Hải Phòng) do một số Tăng sĩ Ấn Độ đi cùng các thương nhân đến buôn bán ở Việt Nam. Như vậy, có thể nói dù đạo Phật truyền vào Việt Nam thời gian nào thì cũng phải khẳng định đạo Phật là một tôn giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm so với các tôn giáo khác và có sự gắn bó, hoà đồng với truyền thống, văn hoá, bản sắc của dân tộc Việt, được người Việt chấp nhận để có thể tồn tại và phát triển đến ngày nay.

Phật giáo khi truyền vào Việt Nam lúc đầu phát triển theo đơn vị gia cư, mỗi cơ sở Phật giáo như là một gia đình, gọi là “Trụ xứ tông lâm”, từ đó lại phát triển ra nhiều chùa theo một sư tổ, thành một dòng họ và được gọi thành tên khác nhau ở mỗi miền: ở miền Bắc gọi là “Sơn môn”, ở miền Trung gọi là “Môn phái” và miền Nam gọi là “Môn phong”.

ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM VỚI ĐẤT NƯỚC QUA CÁC THỜI KỲ

Trải qua các triều đại phong kiến, thời nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần và qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Phật giáo Việt Nam đều có những đóng góp to lớn trong công cuộc hộ quốc, an dân. Công lao của Phật giáo Việt Nam đã được các triều đại, nhà nước và lịch sử Việt Nam ghi nhận. Thời nhà Đinh có Thiền sư Ngô Chân Lưu (933 – 1011) được vua Đinh Tiên Hoàng phong làm Khuông Việt Đại sư và phong chức Tăng thống đứng đầu Phật giáo cả nước vì những đóng góp quan trọng trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Thời nhà Lý có Thiền sư Vạn Hạnh được vua Lý Công Uẩn phong làm Quốc sư vì đã có nhiều công hiến để xây dựng nên sự thịnh vượng của vương triều Lý; ngoài ra còn có các vị Thiền sư: Đa Bảo, Sùng Phạm, Không Lộ, Mãn Giác, Viên Thông ... là những danh tăng đã hết lòng phụng trợ triều đình để xây dựng đất nước phát triển rực rỡ trong một thời gian dài... Thời nhà Trần, đạo Phật tuy không trực tiếp tham gia vào các công việc triều chính như thời kỳ trước nhưng lại có đóng góp rất to lớn về các mặt tư tưởng, văn hoá, xã hội. Các Thiền sư, Hoàng đế thời Trần đã lập nên một hệ tư

tượng cho Phật giáo Việt Nam, đó là Thiên phái Trúc Lâm và tiêu biểu là Đức vua Trần Nhân Tông sau khi rời bỏ ngai vàng đã khai sáng ra phái thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta, nhiều Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Phật giáo Việt Nam đã tham gia đoàn quân cứu nước và nhiều vị đã anh dũng hy sinh thân mình cho Tổ quốc. Nhiều ngôi chùa Phật giáo Việt Nam đã trở thành cơ sở cách mạng, nuôi giấu cán bộ, dự trữ lương thảo, quân nhu ... phục vụ quân đội trong suốt những năm tháng chiến tranh. Đánh giá về công lao của Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã phát biểu trong buổi tiếp các đại biểu của Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam: *“Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn chặt với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lịch sử đã xác nhận Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo mà từ bản chất, bản sắc từ trong thực tiễn hoạt động của mình đã biểu hiện truyền thống yêu nước, gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với Tổ quốc”*.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

*** Lịch sử hình thành GHPGVN**

Từ khi du nhập vào Việt Nam, đạo Phật tồn tại và phát triển theo truyền thống sơn môn. Các sơn môn sinh hoạt độc lập, ít có sự liên hệ và chịu sự chi phối của các sơn môn khác.

Khi thực dân Pháp đem quân xâm lược nước ta, cũng là lúc Pháp mang theo văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo phương Tây truyền bá vào Việt Nam, mặt khác ra sức kỳ thị, chèn ép Phật giáo với mưu đồ xoá dần tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá truyền thống của người dân Việt. Trong nước, Phật giáo không còn được sự ủng hộ như trước đây ... Bản thân Phật giáo lúc này nặng về tín ngưỡng hơn tư duy. Từ bối cảnh đó, một số Tăng Ni, Cư sĩ có tâm huyết và tinh thần đạo pháp, dân tộc

đã quyết tâm chinh đốn lại bằng cách mở trường Phật học, dịch kinh điển sang chữ quốc ngữ cho Tăng Ni, Phật tử dễ học, dễ hiểu, xây dựng các cơ sở xã hội, ra các tờ tạp chí với mục đích giúp đỡ nhau cùng học Phật và hoằng pháp, nêu cao tinh thần dân tộc. Chương trình học văn hoá cũng được đưa vào giáo dục cho Tăng Ni.

Phong trào “Chấn hưng Phật giáo” ở cả 3 miền Trung - Nam - Bắc trong những thập niên 30, 40 của thế kỷ XX đã thổi bùng lên truyền thống yêu nước và ý thức trách nhiệm đối với Dân tộc và Đạo pháp của Tăng Ni, Phật tử, nhất là sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Cùng với các tổ chức cứu quốc khác, Phật giáo cứu quốc ra đời... Phật giáo Việt Nam đã ý thức được rằng muốn có sức mạnh thật sự phải cùng nhau đoàn kết, tập hợp nhau trong một tổ chức để chấn hưng đạo pháp, bảo vệ văn hoá truyền thống, góp phần đấu tranh giải phóng dân tộc. Đó là lý do để Phật giáo tiến hành các cuộc vận động thống nhất Phật giáo trong cả nước: Cuộc vận động thống nhất Phật giáo lần thứ nhất (năm 1951) với sự tham dự của 6 đoàn thể Phật giáo ở 3 miền; Cuộc vận động thành lập Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam ở các tỉnh, thành phố phía Bắc (năm 1957, 1958); Cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1964 tại miền Nam để thành lập nên "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất". Tuy nhiên, sự thống nhất của 3 cuộc vận động này chưa được trọn vẹn vì đây không phải là sự thống nhất của Phật giáo trên toàn quốc mà chỉ là sự thống nhất của một số tổ chức Phật giáo hay của một miền.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo cả nước, thành lập GHPGVN

Đầu năm 1980, thể theo nguyện vọng của toàn thể Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử, các vị Giáo phẩm đại diện cho các tổ chức hệ phái lớn của Phật giáo họp tại thành phố Hồ Chí

Minh và quyết định thành lập “Ban Vận động thống nhất Phật giáo” để xúc tiến cuộc vận động trong phạm vi cả nước, bao gồm đại diện của 9 tổ chức, hệ phái:

- Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam (ở miền Bắc);
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (Ấn Quang);
- Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước thành phố Hồ Chí Minh;
- Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam;
- Giáo hội Tăng già nguyên thủy Việt Nam;
- Hội đoàn kết sư sãi yêu nước Tây Nam bộ (Phật giáo Khmer);
- Giáo phái Khất sĩ Việt Nam;
- Giáo hội Thiên Thai giáo quán tông;
- Hội Phật học Nam Việt.

Tháng 11/1981 Đại hội thống nhất Phật giáo đã được tổ chức tại chùa Quán Sứ, Hà Nội với sự tham dự của 168 vị Giáo phẩm, Tăng Ni, Cư sĩ đại diện cho 9 tổ chức, hệ phái nói trên để thành lập nên một tổ chức chung của Phật giáo cả nước lấy tên là “**Giáo hội Phật giáo Việt Nam**” (GHPGVN). Tại Lời nói đầu của Hiến chương, GHPGVN đã khẳng định: Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam đặt trên nguyên tắc: “*Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, tuy nhiên, các truyền thống hệ phái và phương tiện tu hành đúng chính pháp vẫn được duy trì*”, và xác định “*Phương châm hoạt động của GHPGVN là: Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”, “*GHPGVN là tổ chức Giáo hội duy nhất đại diện cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước*”. Hiến chương GHPGVN đã khẳng định: “*Mục đích của GHPGVN là điều hoà, hợp nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam cả nước để hộ trì hoàng dương Phật pháp và tham gia xây dựng bảo vệ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hoà bình, an lạc cho thế giới*”.

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

397

*Đoạn kết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ
Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn.*



Những điệp khúc cho dương cầm

Tuệ Sỹ

*Ta sống lại trên nỗi buồn ám khói
Vẫn yêu người từng khoảnh khắc chiêm bao
Từ nguyên sơ đã một lời không nói
Như trùng dương ngưng tụ ánh hoa đào
Nghe khúc điệu rộn ràng đôi cánh mồi
Vì yêu người ta với bắt ngàn sao*

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Những điệp khúc cho dương cầm – Refrains pour piano*, NXB Phương Đông, 2009



DƯỚI ĐÀI SEN

Long lanh sương sớm bình minh
 Mừng ngày Phật Đản gió lành ngát hương .
 Bạc Đại Giác đã mở đường
 Quang Minh Chân Lý làm gương cho đời .
 Chúng sinh trong biển luân hồi
 Nghiệp sâu chướng nặng chơi vơi mê mờ .
 Bè từ cứu độ nguy cơ
 Cho người hướng thiện đến bờ An Nhiên .
 Lậy Phật Tổ Đấng Đại Hiền
 Chúng con quỳ trước đài sen Nguyễn Cầu .
 Cầu xin bốn biển, năm châu
 Đạo vàng sáng tỏ nhiệm mầu thế gian .

SÁNG MÙA XUÂN

Sáng mùa Xuân chim hót
 Bâng khuâng mây nhớ nhà
 Sáng mùa Xuân chim hót
 Trắng vườn đào Mai Hoa
 Nắng Bò Đê trái lồi
 Gió Vô Lượng hiền hòa ...

Tôi dâng hương Định Giới
 Em kính đóa Tâm Hoa
 Lạy Thế Tôn Từ Ái
 Khai sáng cõi ta bà
 Soi sáng đời u tối
 Soi muôn loại trầm hà,

Tôi dâng hương Định Quán
 Em kính đóa Lan Hoa
 Dâng mùi hương Chư Phật
 Suối Trăng Thiên Nữ Hoa!

Thơ tôi hồng ánh nến
 Nhạc em gió xuân hòa
 Ngát hương vườn Đạo Hạnh
 Đời Nhân Ái Khoan Hòa
 Hận thù thôi xóa hết
 Nắng xanh trời quê xưa ...

Đá Ngủ Từ Muôn Kiếp
 Bồng Choàng Dậy Nghe Thơ !

Thơ Xanh Dòng Quán Tưởng
 Thơ Ngát Ý Đại Thừa !
 Sáng mùa Xuân Chim Hót
 Mắt em ngời sao sa
 Sáng mùa Xuân Chim Hót
 Bát Ngát Đời Đạo Ca
 Sáng mùa Xuân Chim hót
 THƠ SÁNG DÒNG KINH HOA !



Diệu Minh Tuệ Nga
 Portland, Oregon
 Mùa Phật Đản
 2023

Tìm hiểu về mục đích tu hành trong đạo Phật là gì? *Diệu Âm Trí Thành*

Tu hành trong đạo Phật là đi tìm lại bản lai diện mục của chính mình vốn có mặt trước khi được cha mẹ sanh ra, nhưng đã bị lãng quên từ vô thủy kiếp. Nếu người tu hành chưa sáng tỏ việc này thì khác gì mặt trăng bị mây đen che kín, không thể hiển xuất quang minh, thì làm sao có thể khai mở trí huệ?

Sở dĩ chúng ta hiện nay chăm chỉ tu đạo là vì muốn tìm thấy con đường giải thoát, không muốn bị chìm đắm trong luân hồi sanh tử nữa. Thế nhưng, do tham-sân-si vẫn cứ luôn là cục đá lớn cột chặt đôi chân, nên dù tu hành rất chăm chỉ, trên thực chất một chút phiền não tham-sân-si cũng chẳng đoạn được. Đó gọi là gì? Là tu hành thất bại! Chúng ta muốn tu đạo giải thoát sanh tử, trước hết cần phải diệt trừ tham-sân-si, sau đó mới có thể đạt đến chỗ thân-miệng-ý đều trong sạch. Đương nhiên, đây không phải là việc dễ làm, bởi lẽ từ thuở vô thủy tới nay, nghiệp chướng mà chúng ta tạo ra đầy ngập như núi cao, kiên cố như sắt thép, khó hòng phá vỡ được.

Ngày nay chúng ta phát tâm tu hành là để đoạn trừ thói hư tật xấu, nhằm tiêu trừ nghiệp chướng, bởi vì nghiệp chướng chính là phiền não phát sanh từ thói hư tật xấu. Khi sáu căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) vừa tiếp xúc cảnh giới của sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), chúng ta liền khởi tâm động niệm thì đó chính là đang tạo nghiệp luân hồi. Bồ-tát Di Lặc nói, trong khoảng khảy ngón tay có đến khoảng ba trăm hai mươi triệu vọng niệm sanh ra trong tâm thức của mỗi chúng sanh, mỗi

vọng niệm là một cái nhân tạo thành một kiếp luân hồi. Nếu chúng ta không khéo hiểu rõ điều này, mọi việc tu hành lại chính là tạo nghiệp luân hồi. Do đó, người không tu hay không khéo tu, thì núi cao nghiệp chướng ngày càng đắp cao thêm, vĩnh viễn không có cách gì thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Mỗi khi khởi tâm động niệm, tự mình phải nhận biết chính mình đã sai lầm rồi, sai lầm ở chỗ nào? Cái ta còn tồn tại! Hễ còn cái ta là còn ý niệm, hễ còn ý niệm là còn cái ta. Vì sao? Vì ý niệm phát xuất từ cái ta và cái ta sanh ra từ ý niệm. Cái ta không còn thì ý niệm cũng theo đó mà dứt bật, nếu ý niệm dứt bật thì cái ta từ đâu mà sanh ra? Ý niệm rất vi tế, chỉ cần có một ý niệm bắt đầu khởi dậy thì cái ta sẽ là cái sanh ra trước tiên hết, sau đó tất cả các thứ khác về người, chúng sanh và thọ giả liền theo đó mà tiếp nối dây lên. Khi chúng ta chê kẻ khác sai, kẻ khác xấu, còn mình thì luôn đứng luôn tốt; hoặc nghe người ta nói mình tốt thì vui thích, bị kẻ khác chê xấu thì khó chịu, buồn rầu, thì đó đều là nhân ngã tướng phát sanh ra từ ý niệm, thấy thật sự có mình, có người khác, có các tướng đứng sai, phải trái, xấu tốt, vui buồn, được mất v.v..., tức là vẫn còn chưa xả bỏ bốn tướng: ta, người, chúng sanh và thọ giả.

Tu hành đạo Phật mà vẫn còn có bốn tướng ấy thì không thể nào yên ổn được. Bốn tướng nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả chẳng những không có lợi gì cho việc tu hành mà còn ngày ngày khiến phiền não càng thêm tăng trưởng. Cố chấp trước vào bốn tướng ấy chính là thói quen, tập khí xấu tích lũy từ vô thủy kiếp, khó thể phá vỡ. Vấn

đề là phải tu như thế nào mới có thể lia bốn tướng ấy? Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta pháp môn Tịnh độ, là pháp vô thượng của Như Lai, là pháp chẳng có hình tướng gì cả, vì sao? Vì Tịnh độ là pháp tu Nhất Tâm Bất Loạn, mà đã là Nhất Tâm Bất Loạn thì làm sao có các tướng nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả cho được!

Trong phẩm Khuyến Dụ Sách Tấn, Đức Phật nói: “Sang giàu thương muốn không thể bền giữ, đều phải lánh xa, chẳng thể an vui” là nói đến sự độc hại của tam độc tham-sân-si. Tham-sân-si chính là tàng dư tập khí xấu xa, là rác rến chất đầy trong ý niệm, khiến chúng ta phải chịu nhiều thống khổ. Nếu không trừ sạch tham-sân-si ngay trong ý niệm thì không có cách chi khai mở trí huệ! Chúng ta chỉ cần khởi lên ý niệm tham lam bất cứ một thứ gì, bèn tạo nghiệp luân hồi. Vì thế, ngay sau câu nói ấy, Đức Phật liền bảo: “Phải nên tinh tấn, sinh nước An Lạc, trí huệ thông suốt, công đức thù thắng. Chớ nên phóng tâm vào chỗ ham muốn, phụ kinh bỏ giới, phải đứng sau người.” Ở đây, Phật khuyên chúng ta chớ nên phụ kinh bỏ giới, chớ chẳng hề bảo chúng ta ham muốn kinh pháp. Vì sao? Vì tham là tập khí xấu, ngay cả Phật pháp cũng chẳng nên tham!

Khi tâm tham khởi dậy, dù là tham Phật pháp đi chẳng nữa, cũng vẫn tạo nghiệp luân hồi; do vậy Phật mới bảo: “Phật pháp cũng phải buông, huống gì là phi pháp.” Phật dạy chúng ta phải buông bỏ cái tâm tham Phật pháp, chớ nào có ý kêu chúng ta phụ bỏ Phật pháp bao giờ! Hễ khởi lên cái tâm tham đắm bất cứ một thứ gì thì nhiều thêm một thứ vọng niệm và tăng thêm một thứ nghiệp chướng. Bớt tham một thứ gì thì ít đi một chút nghiệp chướng và tăng thêm một phần giải thoát. Khi chúng ta nôi lòng tham lam

bất cứ một thứ gì dù nhỏ như đầu sợi lông cũng chẳng thể nhập Phật chánh đạo, ngay cả lòng yêu đương tình ái trong quan hệ phụ mẫu, vợ chồng, con cái, bạn bè, đồng sự, bà con v.v., cũng không ngoại lệ, vì sao? Vì tình ái giữ lấy chúng ta ở mãi trong luân hồi sanh tử. Nếu chúng ta buông xả được ái dục, buông xả được trần cảnh, bèn có được hạt giống Phật, giúp sự tu hành của mình tương đối dễ dàng và mau chóng hơn.

Ngã mạn là tánh cứng đầu, ương ngạnh, cố chấp, luôn nghĩ tới cái ta, luôn cho rằng ta đúng. Người chấp ngã, trí huệ không thể khai mở, làm chướng ngại đường đạo, không cách gì giải thoát. Ở trong thế gian này, người càng có tài năng, học vấn, tiền của, chức quyền bao nhiêu, ngã mạn càng cao bấy nhiêu, khiến trí huệ chân thật càng thêm bị che lấp. Đương nhiên, người vừa có tài năng, học vấn giỏi, giàu sang, địa vị cao, lại vừa khiêm cung từ tôn, chẳng ngã mạn, nhất định là nhân tài học Phật. Tu hành là tu ở sáu căn, không cho nó dính với sáu trần để đầu óc được thanh tịnh. Nếu không khéo tu hành như vậy, hậu quả sẽ là cứ mãi tăng trưởng tà kiến, suy nghĩ lăng xăng, tính toán việc này việc nọ. Nếu chính mình vẫn chưa thanh tịnh, tức là vẫn chưa giải thoát, mà cứ lo toan tính cho người khác, thì cái đạt được chỉ là một cái tâm phiền não quá sức. Rốt cuộc, chính mình là người cần được độ, chớ chẳng phải là người đi độ kẻ khác. Mặc dù Bồ Giác tánh của hết thầy chúng sanh đều là Phật, nhưng trong ý niệm của mỗi con người đều là thiện ít, ác nhiều.

Đó cho ta thấy, thế lực của tập khí xấu ác rất mạnh, còn khuynh hướng tốt thì rất yếu. Tư tưởng xấu ác của chúng ta luôn đứng đầu, lấn át tư tưởng thiện, chung cuộc cái thiện tâm bị cái ác tâm đè bẹp! Đó là điều không tốt cho việc tu đạo giải thoát. Từ thuở vô

thầy đến nay, do ý niệm thiện trong tâm mình quá ít ỏi, còn ý niệm xấu ác lại quá nhiều, nên Tự tánh trong sạch luôn bị che phủ, không xuất hiện được. Cũng do những niệm ác tích lũy ấy mà chúng ta cứ mãi dấy khởi vọng tưởng tham-sân-si, không cách gì đề kháng được; đó chính là nghiệp chướng cần phải tu sửa và chế phục. Nếu không chế phục được tham-sân-si thì dù có đi đây đi đó nghe giảng kinh pháp cho thật nhiều, rốt cuộc cũng chỉ là vô dụng. Nghe vô một đồng kinh pháp mà phiền não vẫn đầy dẫy thì chẳng có chỗ nào thông đạt cả! Phật pháp chỉ có thể lãnh hội bằng tâm thanh tịnh, chẳng thể dùng tâm tham-sân-si mà hòng thông đạt Phật pháp. Nếu chúng ta thấy có người xuất gia hay tại gia nào thường hay bức xúc, tức giận đối với lỗi lầm của người khác, thì phải biết người ấy vẫn chưa thông đạt Phật pháp.

Khi nghiệp chướng tới, phiền não liền khởi dậy. Khi không có chánh niệm, tà niệm liền khởi dậy. Lúc ấy, chúng ta sẽ thấy người nào cũng không hợp nhãn, việc gì người khác làm cũng chẳng vừa lòng; do vậy luôn cảm thấy rất tiêu cực, đời và đạo gì cũng đều vô vị. Thật ra, không cần biết có lý hay vô lý, hễ chúng ta khởi phiền não là đã sai lầm rồi! Khi nào tâm mình không còn lo lắng, sợ hãi nữa đối trước hết thầy trước cảnh, tâm mới an định. Bởi do chính ta không tự chủ mới có cảm giác lo sợ. Lo sợ quá, lo sợ hoài thì tâm phát sanh phiền não, không an định, nên chẳng còn đạo tâm tu hành nữa. Lo lắng, sợ hãi chỉ là tâm lý do sự cảm nhận thôi, người khác không cảm thấy như mình, nên dù ta lo lắng, sợ hãi giùm cho người khác, thì chỉ có ta là bất lợi. Như vậy, chúng ta phải tu hành như thế nào mới đúng? Trong kinh, Phật dạy: “Tâm không hạ liệt, cũng không công cao, thành tựu căn lành, thầy đều tăng thượng.”

Khi chúng ta thật sự học Phật mới thấy việc tu hành không đơn giản chút nào! Nếu tự cho mình là phạm phu không thể tu thành thánh đạo thì đó là tâm hạ liệt; còn nếu tự cho mình là thánh nhân có đủ bản lãnh tự mình thoát ra khỏi luân hồi sanh tử, không cần nương vào đại nguyện lực gia trì của A Di Đà Phật, thì đó lại là công cao ngã mạn. Cả hai thứ tâm hạ liệt và công cao đều là tâm chấp trước! Dùng cái tâm chấp trước để tu hành, nhất định sẽ thất bại. Chúng ta có lòng tin tưởng rằng, tuy hiện nay tôi là phạm phu, nhưng tôi cũng có khả năng thành Phật. Một phạm phu như tôi mà cũng có khả năng tu hành tới nơi tới chốn, thì đó chính là tâm không hạ liệt, cũng không công cao. Chúng ta phải thật sự có cái tâm như vậy, mới có thể tinh tấn tu hành, tăng trưởng và thành tựu các căn lành vô thượng. Bởi do cái quan niệm về cái tôi cứ tác oai tác quái nên mới có cái tâm gọi là hạ liệt hoặc công cao phát sanh, làm chướng ngại chính mình trong việc tu đạo giải thoát.

Tâm hạ liệt và tâm công cao đều là ý niệm phát sanh ra từ cái tôi. Hễ còn ý niệm về cái tôi thì chưa thể khai ngộ. Chúng ta tu hành Phật đạo thì phải cố gắng trừ sạch ngã tướng, không còn cái tôi thế này thế nọ nữa, mới hòng thành tựu đạo giải thoát. Muốn trừ ngã tướng cần phải không có tâm phân biệt giữa ta và người khác, nếu còn chấp chặt vào ý niệm về cái tôi thì dù có tu hành chăm chỉ đến mấy cũng chẳng thể đi tới đâu; giới lắm là chỉ được phước báu nhân thiên mà thôi. Chỉ khi nào trừ được ngã tướng, trí huệ mới khai phát, còn ngã tướng thì trí huệ còn bị che lấp, chẳng thể chiếu soi. Tu hành không thể chấp trước, hễ có chấp trước liền có ham muốn, phân tranh và phiền não. Nếu muốn trừ khử chấp trước về cái tôi thì phải giảm bớt lòng ham muốn, phân tranh hơn

thua cao thấp.

Nếu không còn suy nghĩ về mình, về người, về chúng sanh hay về thọ giả nữa, thì còn gì nữa mà phân tranh? Thọ giả ở đây bao gồm các ý nghĩa khác nhau như là thọ mạng, được mất, số lượng, hơn thua v.v... Muốn lìa bốn tướng thì trước hết phải tu rất nhiều hạnh nhẫn nhục. Tam Vô Lậu Học Giới-Định-Huệ quy nhập trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn của Lục độ Ba-la-mật vào một chữ Giới. Do đó, nhẫn nhục cũng chính là căn bản, là gốc rễ của việc tu Giới. Hòa Thượng Hải Hiền nói: “Không có cái nào ngon hơn cái nào cả, cái này ngon, cái kia cũng ngon, cả hai cái đều ngon như nhau.” Đạo lý này rất cao minh! Khi gặp cái gì tốt thì mỉm cười, khi gặp cái gì xấu cũng vẫn mỉm cười. Vì sao? Vì tốt hay xấu đều do tâm phân biệt đặt bày ra, chớ thật ra trong Chân Như Thật Tướng đâu có gì sai biệt, nên cũng đâu có tốt xấu.

Vậy, khi chúng ta có ý nghĩ tốt hay xấu thì phải biết, đó chính là phiền não đang dậy lên trong lòng mình. Lúc vừa nhận biết điều này thì gọi Thi Giác, đã giác rồi lập tức hướng về Đức Phật A-Di-Đà mà niệm danh hiệu của Ngài, niệm niệm tiếp nối không ngừng để dập nát mọi phiền não mà đạt tới Cứu Cánh Giác. Khi phiền não càng nhiều, ta càng niệm được nhiều câu Phật hiệu, như vậy phiền não đã biến thành Bồ-đề rồi! Đó là cách dùng tâm trị tâm, dùng đạo lý đơn giản nhất để thực hành Bát-nhã thâm sâu, mà Phật đã dạy chúng ta trong pháp môn Tịnh độ. Con đường tu hành của chúng ta cần phải trải qua rất nhiều trải nghiệm gian khổ và thử thách lắm! Có như vậy mới mau chóng khai ngộ. Nếu không có gian nan, thử thách thì khó hòng khai ngộ, vì sao? Vì sự khai ngộ chỉ hiện ra ngay ở nơi hoặc, nghiệp và khổ. Chúng ta phải chiếu soi ngay ở nơi

hoặc, nghiệp và khổ mới có thể tìm thấy Pháp thân, Bát-nhã và Giải thoát.

Chúng ta không nên hy vọng mọi người sẽ làm tốt và đối xử tốt với mình. Tu hành phải chịu thiệt thòi, thua lỗ, lép vế; có như vậy mới tiến bộ. Điều tốt của người khác thì ta góp nhặt để học, điều xấu của người khác thì ta vứt nó qua một bên, tự trong lòng mình thông hiểu là đủ rồi, thuận theo đây mà tu hạnh nhẫn nhục Ba-la-mật, ắt sớm thành tựu tịnh nghiệp cho chính mình. Tu hành đừng nên hỏi đúng với sai, cũng đừng bàn luận hữu lý hay vô lý. Dù mình đúng lý mà người khác nói mình sai, cũng cứ tiếp nhận ý kiến ấy. Vì sao phải làm vậy? Vì hễ mình tự nhận mình sai dù mình đúng, phiền não sẽ không khởi dậy; bằng ngược lại, cứ khẳng khẳng cho mình đúng, tâm sẽ rất bất an, phiền não sẽ dồn dập kéo tới. Tôi đúng mà người ta cứ nói tôi sai, trong tâm tôi cảm thấy rất oan uổng và tức giận, vậy là tịnh nghiệp bị phá hỏng rồi!

Công phu niệm Phật, tu thiền, niệm chú gì cũng đều mất sạch hết ráo chỉ vì không thể nhẫn nhục được. Tu hành cần phải có công phu nhẫn nhục, nhẫn nhục chẳng những không phải là tâm không công cao, mà còn là tâm không hạ liệt. Chúng ta phải tu từ cái tâm không công cao cũng không hạ liệt mới có thể thành tựu hết thấy các căn lành. Lại nữa, tu hành đâu phải là để tranh chấp đúng với sai, dù mình đúng mà bị chê trách là sai cũng phải nhận chịu thôi. Chịu nhận mình sai chẳng những không thua thiệt mất mát gì hết mà còn đạt được công phu định lực kiên cố bất động. Công phu định lực càng kiên cố bao nhiêu, phước huệ càng tăng trưởng bấy nhiêu. Tu nhẫn nhục là tu giới để thành tựu định, nhằm trừ sạch hết những nghiệp chướng đã tạo xưa kia, rồi đừng tạo thêm nghiệp mới nữa. Tu hành như vậy thì cả hai

thứ phước và huệ mới gia tăng. Phương pháp tu nhân nhục hay nhất là niệm Phật, lạy Phật, phát tâm làm việc lao tác ở chùa hay các đạo tràng mà không tính toán. Hễ có tính toán, kể công, hoặc mong cầu được tiếng khen thưởng bèn sanh tâm phiền não, đó là tạo thêm nghiệp mới, chớ trong đó chẳng có phước huệ chi cả.

Thật thà mà nói, chúng ta tu tịnh nghiệp chỉ cần chuyên tâm niệm Phật là đủ rồi, đối với mọi hoàn cảnh tốt hay xấu, đều không chấp trước, đều biết tùy duyên, đều luôn giữ tâm kiên cố bất động, thì phước huệ sẽ mau tăng thượng. Hôm nay là hôm nay, ngày mai là ngày mai, chuyện gì cũng đừng rờ tay, xô mũi vào thì công phu niệm Phật mới đắc lực. Tu hành mà quá đa sự, quá sung túc, tiếng tăm quá lừng lẫy, thì dục vọng càng thêm phùng phùng nổi lên, lòng tham lam và ngã mạn cao ngất trời mây. Lúc đó, chúng ta có thật sự muốn buông bỏ thân tâm thế giới để nhất tâm niệm Phật, cũng chẳng thể làm nổi; cho nên, chúng ta chẳng nên cầu những thứ này!

Diệu Âm Trí Thành

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Bàn Tay Đã Mất

Xưa, có một chàng trai lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự. Giặc tan, chàng trở về và bỏ lại một bàn tay ở chiến trường.

Từ dạo đó, trong những đêm hôm khuya khoắt chàng mơ hồ cảm thấy mình đau nhứt dữ dội ở bàn tay đã mất. Con đau ngày

càng gia tăng, bệnh tướng đã thành bệnh thật, chàng tìm đến một y sĩ. Y sĩ hỏi:

- Anh đau ra sao?

- Thưa tôi bị nhứt nhối ở bàn tay mất nhất là khi về đêm.

Y sĩ mỉm cười:

- Anh đưa bàn tay đau cho tôi xem nào.

Bệnh nhân sững sốt hồi lâu ấp úng:

- Thưa bác sĩ, bàn tay mất của tôi không có ạ!

- Thế thì tôi đã chữa bệnh cho anh rồi.

Bệnh nhân liền ra về với một nụ cười. Hóa ra lâu nay chàng mắc loại bệnh tướng.

Ít lâu sau thanh niên cùng đến thăm y sĩ với một thanh niên bạn, người bạn này cũng mắc một chứng bệnh tương tự để nhờ y sĩ chữa giùm. Lần lần bệnh nhân tự bảo:

- Thưa bác sĩ, dù rằng đã biết bàn tay mình không có nhưng trong giấc ngủ chập chờn tôi lại thấy đau nhứt dữ dội ở bàn tay đã mất xin bác sĩ chữa bệnh cho tôi.

Y sĩ liền hí hoái biên toa, xong căn dặn:

- Toa thuốc này có hai loại, một để uống và một để thoa lên vết thương. Anh về điều trị tuần sau khám lại.

(Xem tiếp trang 18)

Thực trạng, cách thức hành đạo, vùng sâu vùng xa

PGVN

Giáo hội cần phải có kế hoạch hàng pháp hàng tháng, hàng năm. Có văn bản đề nghị chính quyền các cấp tạo điều kiện giúp đỡ những nơi có chùa mà chưa có sư trụ trì, những nơi địa bàn rộng nhưng chưa có chùa, ưu tiên vùng sâu, cách xa trung tâm, bà con dân tộc, xem xét địa điểm thuận lợi, vận tập bà con phật tử đến nghe thuyết giảng định kỳ, làm lễ Quy y Tam Bảo...

*Kính bạch: Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni.
Kính thưa: Quý Đại biểu đại diện các cơ quan Trung ương, các địa phương trên toàn quốc.*

Tuyên Quang là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc, phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Hà Giang; phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc; phía Đông và Đông Bắc giáp các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Thái Nguyên; phía Tây giáp tỉnh Yên Bái. Có tổng diện tích tự nhiên là: 586.800 ha, dân số gần 80 vạn người, với 22 dân tộc, có 7 đơn vị hành chính cấp huyện, (6 huyện, 01 thành phố); 141 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn, (129 xã, 7 phường và 5 thị trấn) và 2096 thôn, tổ dân phố.

Hiện nay toàn tỉnh có gần 40 ngôi chùa (cả phê tích) với gần 20 vị tăng ni, hơn 15.000 tín đồ phật tử. Có 3 tôn giáo được Nhà nước công nhận là: Công giáo, Phật giáo, Tin lành (thứ tự tính theo số lượng tín đồ).

Đạo Phật đã hiện hữu trên quê hương Việt nam ngay từ những ngày đầu kỷ nguyên Tây lịch, mang một thông điệp Từ bi - Trí tuệ, cùng văn hóa truyền thống hàng nghìn năm văn hiến, để xây dựng quê hương Việt Nam ngày một phát triển, với tinh thần Vô ngã - Vị tha, Phật pháp bất ly thế gian, Phật giáo Việt Nam nói chung và tăng ni, phật tử tỉnh Tuyên Quang nói riêng luôn nêu cao tinh thần phụng sự đạo pháp, phụng sự dân tộc, hướng tới đời sống an vui hạnh phúc tại nhân gian, mỗi tăng ni, phật tử luôn là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân, cùng hướng tới xây dựng quê hương Việt Nam ngày một phát triển theo phương châm Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội.

* Cơ hội: Giáo hội Phật giáo VN tỉnh Tuyên Quang được thành lập ngày 24 tháng 12 năm 2009 do Hòa thượng Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Trưởng Ban Thông tin truyền thông Trung ương GHPGVN làm Trưởng ban. Ngay từ khi mới được thành lập, GHPGVN tỉnh Tuyên Quang đã được các cấp Đảng ủy, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc cùng các cơ quan chức năng Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để duy trì xây dựng, tôn tạo cảnh chùa ngày một khang trang làm chỗ dựa tinh thần, nơi sinh hoạt của nhân dân và phật tử và cũng là nơi thăm quan cho du khách thập phương.

Tăng ni, phật tử ở các cơ sở và những chùa chưa có sư trụ trì đã khắc phục mọi khó khăn, hợp sức với nhân dân địa phương, tiếp

nổi truyền thông Từ bi - Trí tuệ của Phật giáo. Phát huy chính tín đem giáo lý đạo Phật truyền bá vào quần chúng nhân dân, tổ chức giảng về Pháp luật, về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với Phật giáo, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, giảng cho Phật tử về kỹ năng sống an lạc lành mạnh, phát triển tăng gia sản xuất cải thiện đời sống, giáo dục con cháu chăm ngoan, gia đình hạnh phúc, được nhân dân đồng tình ủng hộ, tin theo, các sinh hoạt tu tập của nhân dân, Phật tử đi vào nề nếp. Trên tinh thần hoan hỷ cùng nhau xây dựng đạo pháp giữa lòng dân tộc, thắt chặt tình đoàn kết chung sức đồng lòng xây dựng quê hương ngày thêm phát triển.

* *Thách thức:* Ở những nơi vùng sâu, xa trung tâm chưa có chùa nên sinh hoạt của Phật tử còn gặp nhiều khó khăn: Không có nơi sinh hoạt, sự hiểu biết về Phật pháp còn hạn chế, dễ bị tà đạo tuyên truyền, xúi giục làm ảnh hưởng đến đời sống tâm linh, trái với giáo lý nhà Phật. Cơ sở hạ tầng còn chưa tốt nên việc đi lại của nhân dân, Phật tử còn gặp nhiều khó khăn.

Ở một số nơi, chính quyền địa phương còn quản lý chùa, chưa giao lại cho Giáo Hội Phật giáo tỉnh quản lý (theo ngành dọc) nên từ nhiều năm nay chùa cảnh không được xây dựng, xuống cấp (rất khác xa so với các chùa có sư trụ trì), Phật tử sinh hoạt tự phát, không có bậc thầy hướng đạo, không được nghe giảng pháp nên sinh hoạt của Phật tử không đi vào nề nếp.

Nhiều Phật tử đã quy y Tam bảo nhiều năm nhưng chỉ nghĩ: Quy y là để Phật, thần gia hộ cho gia đình mình được bình an phát đạt, chứ không phải để học hành lời Phật dạy cải ác hành thiện, không hiểu được thế nào là

giáo lý đạo Phật, là chánh tín quy y, là pháp luật, là tín ngưỡng tôn giáo, là hiến chương của Giáo hội...

Người ta thường nói: “Chùa không sư làm hư cả vãi” câu này quả thật không sai, Phật tử nhân dân mỗi người một kiểu, mỗi người một phách, chẳng ai nghe ai. Theo lời Phật dạy, ngôi chùa phải có đủ ba ngôi Tam Bảo là: Phật, Pháp, Tăng. Như vậy một ngôi chùa mà thiếu đi bóng dáng của vị Chư Tăng thì thật chưa phải là một ngôi chùa đúng nghĩa, đó là một sự thiệt thòi lớn cho bà con nhân dân, Phật tử và cũng là khó khăn của Phật giáo tỉnh Tuyên Quang.

- *Với Giáo hội:* Giáo hội cần phải có kế hoạch hàng pháp hàng tháng, hàng năm. Có văn bản đề nghị chính quyền các cấp tạo điều kiện giúp đỡ những nơi có chùa mà chưa có sư trụ trì, những nơi địa bàn rộng nhưng chưa có chùa, ưu tiên vùng sâu, cách xa trung tâm, bà con dân tộc, xem xét địa điểm thuận lợi, vận tập bà con Phật tử đến nghe thuyết giảng định kỳ, làm lễ Quy y Tam Bảo nếu có nhu cầu, kết hợp từ thiện xã hội, các chương trình xây dựng thôn văn hóa, xóa đói giảm nghèo v.v...

Giáo hội cần có sự can thiệp với các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để Phật giáo tỉnh Tuyên Quang hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình đúng với phương châm “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội”.

- *Với chính quyền:* Cần quan tâm hơn nữa đến việc quy hoạch, cấp quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, cơ sở hạ tầng (đường xá) ở những nơi vùng sâu vùng xa để bà con nhân dân, Phật tử đi lại sinh hoạt, tu tập được thuận lợi. Một số nơi cần giao lại chùa cho Giáo hội Phật giáo tỉnh quản lý để Giáo

hội có kế hoạch xây dựng, tu sửa lại chùa cảnh cho khang trang, sạch đẹp.

Dành quỹ đất để xây dựng và mở rộng chùa, trồng cây xanh tạo cảnh quan đẹp, để gắn du lịch Cách mạng, Lịch sử văn hóa với du lịch sinh thái và du lịch tâm linh, thu hút khách thập phương đến Tuyên Quang, đồng thời để bà con nhân dân, phật tử có nơi sinh hoạt và đưa sinh hoạt của nhân dân, phật tử vào nề nếp, theo đúng Giáo lý nhà Phật.

* *Giải pháp*: Trung ương Giáo hội cần quan tâm tạo điều kiện, củng cố tinh thần cho tăng ni trẻ đến hành đạo, gắn bó với nhân dân vùng núi. Các Ban, Viện Trung ương cần tổ chức các chuyến thuyết giảng, uỷ lạo, giao lưu mở mang văn hoá, chuyển hoá nhận thức của nhân dân, chính quyền tạo sự đồng thuận trong lãnh đạo, phục vụ nhân sinh.

Về quản lý nhà nước, chính quyền địa phương phải là cơ quan hỗ trợ hàng đầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động Phật giáo, giúp cho Phật giáo thực hiện kế hoạch đưa đến thành công tốt đẹp. Bởi lẽ Phật giáo là đưa con người đến đạo đức, hướng thiện, góp phần an sinh và phát triển xã hội rất hiệu quả. Bên cạnh đó chính quyền cần phải xử lý nghiêm khắc những trường hợp hoạt động tôn giáo trái pháp luật, trá hình, lợi dụng tôn giáo làm ảnh hưởng đến uy tín, sự tôn nghiêm của Phật giáo, gây bất an cho xã hội, nguy hại quốc gia.

Trên đây là một số ý kiến tham luận hành đạo, hoằng pháp vùng sâu vùng xa, cơ hội phát triển và thách thức của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tuyên Quang.

Cuối cùng xin kính chúc Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni, Quý Đại biểu đại diện các cơ quan Trung ương,

Quý vị đại biểu khách quý cùng toàn thể Đại hội thân tâm an lạc, vạn sự cát tường! Chúc Đại hội thành công viên mãn!

Tham luận của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Tuyên Quang tại Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc lần thứ VIII

(Tiếp theo trang 15)

Bàn Tay Đã Mất

Bệnh nhân thứ hai y lời về mua thuốc, nhưng chàng không biết bôi thuốc vào đâu, vì bàn tay đã không còn thì làm gì có vết thương. Loay hoay tìm kiếm hồi lâu anh bật cười bảo:

- Lão bác sĩ này gạt mình thật!

Từ dạo đó anh lành bệnh. Hai anh bệnh nhân đã lành bệnh trên, về sau lại gặp một người bạn cũng mang chứng bệnh tương tự. Cả hai đều trở hết kinh nghiệm và sở trường của mình điều trị song cơn đau vẫn không thuyên giảm. Bệnh nhân liền được đưa đến phòng mạch. Y sĩ hỏi:

- Những lúc nào anh bị đau nhức?

- Thưa, tôi bị đau nhức liên tu bất tận.

- Thế không có lúc nào ngừng đau à?

- Thưa có, những lúc nào tôi say mê đọc sách hay nghe nhạc thì cơn đau dường như không còn nữa.

- Thế thì... toa thuốc của anh đấy, khi nào thấy đau đón hãy lấy sách báo đọc hoặc là nghe nhạc...

Bệnh nhân y lời, bệnh tình ngày một thuyên giảm. /-

Sức mạnh của tinh thần yêu thương

Thích Minh Trí theo The Star



Venerable Master Hui Li

(Kuala Lumpur, Malaysia): Sứ mệnh hoằng dương Phật pháp tại Phi châu của Thượng tọa Hui Li đang đơm hoa kết trái. Tuy nhiên, trong những ngày đầu của sứ mệnh cao cả ấy, cư dân địa phương, các quan chức chính quyền, và tín đồ các tôn giáo khác gọi Thượng tọa là loài “quỷ sứ” và “cỏ độc”.

“Tôi bị cư dân địa phương, các quan chức chính quyền, và tín đồ các tôn giáo khác lên án, chụp mũ. Họ không biết Phật giáo là gì, và trước đó họ cũng chưa từng thấy bóng dáng một tu sỹ Phật giáo trong chiếc y vàng,” Thượng tọa Hui Li nhớ lại.

Thượng tọa phải đối mặt với những phản kháng từ giáo hội và cư dân địa phương qua

việc xây dựng ngôi Tam Bảo tọa lạc ở Bronkhorstspuit, gần thành phố Pretoria.

Mặc dù vậy, Thượng tọa vẫn kiên trì thực hiện nhiệm vụ của mình bất chấp những đe dọa rằng ngôi chùa sẽ bị chính quyền tịch thu. “Trước khi vượt qua những chướng duyên này, tôi phải giữ vững tâm an tịnh, thực hành nhân nhục và yêu thương,” Thượng tọa Hui Li chia sẻ trong một cuộc phỏng vấn bằng điện thư.

Để chứng minh mình là nhà tu chân chính và để lôi cuốn mọi người, Thượng tọa Hui Li xúc tiến hoạt động từ thiện để giúp đỡ người nghèo và người bệnh bằng việc chia sẻ quần áo, thực phẩm và thuốc men.

Là tu sỹ Phật giáo Phi châu nổi tiếng, Thượng tọa Hui Li phát nguyện dành 5 kiếp để phát triển và hoằng dương Phật pháp tại Phi châu.

Thượng tọa Hui Li sinh năm 1955 trong một gia đình nông dân nghèo ở miền quê Pington, Đài Loan. Từ nhỏ Thượng tọa đã nhận chân cuộc đời là mong manh. Ngôi trường của Thượng tọa nằm cạnh nghĩa trang và những đám tang diễn ra thường xuyên đã để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm khảm Thượng tọa.

Năm 1987, Thượng tọa phát tâm xuất gia với đại lão Hòa thượng Hsin Yun (Tĩnh Vân), người sáng lập Hội Phật Quang Sơn Quốc tế.

Một năm sau đó, Thượng tọa được thọ giới Tỷ kheo, trở thành sư giả của đức Như Lai. Năm 1992, để thực hiện tâm nguyện của Hòa thượng Tinh Vân là xây dựng một ngôi chùa trực thuộc Hội Phật Quang Sơn trên mỗi châu lục, Thượng tọa phát tâm đến Nam Phi xây dựng ngôi chùa Phật giáo Đại thừa đầu tiên trên đất Phi châu.

Thượng tọa đến Nam Phi, một miền đất xa lạ. Trong nhiều tuần lễ, Thượng tọa tham quan đó đây và gặp không ít khó khăn để có được một cái nhìn rõ ràng hơn về đất nước Nam Phi.

Có giai đoạn, Thượng tọa bị bệnh sốt rét, nhưng kiên quyết không chùn bước trong sứ mệnh phục vụ Phi châu. “Nếu không bị bệnh sốt rét, bạn sẽ không có visa để làm việc ở Nam Phi,” Thượng tọa cười nói chia sẻ.

Năm 1994, lễ khánh thành Trường Cao đẳng Phật học Phi châu – trường cao đẳng Phật học đầu tiên ở Phi châu – được tổ chức tại chùa Nan Hua (Nam Hoa Tự) ở Bronkhorstspuit để giảng dạy Phật pháp cho thanh niên với mục đích giúp họ giảm bớt những vấn đề của họ thông qua giáo dục. Năm 1998, khi đến Malawi tặng xe lăn cho người tàn tật, Thượng tọa Hui Li chợt tỉnh rằng, 40% dân số Nam Phi bị nhiễm HIV dương tính và trên một triệu trẻ em hoặc đã mất cha hay mẹ, hoặc đã mất cả cha lẫn mẹ hiện đang đối diện với căn bệnh thế kỷ – AIDS.

Thượng tọa hiểu rằng sẽ có rất một thế hệ trẻ mồ côi. Những đứa trẻ này, trong giai đoạn chúng đến tuổi trưởng thành, hẳn sẽ không có sự giáo dục đúng cách, hoặc nhận được sự giáo dục rất ít. Vì vậy, Thượng tọa nảy sinh ý niệm thành lập những Trung tâm Giáo dưỡng Phật A-Di-Đà (Amitofo Care Centres – ACC)



Centres – ACC)

Năm 1994, lễ khánh thành Trường Cao đẳng Phật học Phi châu – trường cao đẳng Phật học đầu tiên ở Phi châu – được tổ chức tại chùa Nan Hua (Nam Hoa Tự) ở Bronkhorstspuit để giảng dạy Phật pháp cho thanh niên với mục đích giúp họ giảm bớt những vấn đề của họ thông qua giáo dục. Năm 1998, khi đến Malawi tặng xe lăn cho người tàn tật, Thượng tọa Hui Li chợt tỉnh rằng, 40% dân số Nam Phi bị nhiễm HIV dương tính và trên một triệu trẻ em hoặc đã mất cha hay mẹ, hoặc đã mất cả cha lẫn mẹ hiện đang đối diện với căn bệnh thế kỷ – AIDS.

Thượng tọa hiểu rằng sẽ có rất một thế hệ trẻ mồ côi. Những đứa trẻ này, trong giai đoạn chúng đến tuổi trưởng thành, hẳn sẽ không có sự giáo dục đúng cách, hoặc nhận được sự giáo dục rất ít. Vì vậy, Thượng tọa nảy sinh ý niệm thành lập những Trung tâm Giáo dưỡng Phật A-Di-Đà (Amitofo Care Centres – ACC)

Năm 2001, Thượng tọa Hui Li từ chức viện chủ chùa Nan Hua để dẫn thân trong công tác phật sự ở Phi châu.

Thượng tọa trở nên nổi tiếng như bác sỹ Albert Schweitzer (*) của Phật giáo đại thừa. Sau những lần vận động thuyết phục cố đê nhất phu nhân Cộng hòa Malawi là Ethel Mutharika thành công, một lô đất nằm ở ngoại ô thành phố Blantyre, miền nam Malawi, được cúng dường để thực hiện dự án của Thượng tọa.

Dự án xây dựng Trung tâm Giáo dưỡng Phật A-di-đà ở Cộng hòa Malawi được khởi công năm 2003. Các nhà mạnh thường quân, chủ yếu từ Đài Loan, đã ủng hộ tài chính cho công trình này.

Qua năm 2005, giai đoạn 1 của dự án đã được hoàn thành và 120 em có độ tuổi từ 3 đến 12 được chuyển đến đây. Qua năm 2008, Trung tâm Giáo dưỡng Malawi đã tiếp nhận giáo dưỡng 300 trẻ mồ côi và những trẻ chỉ còn cha hoặc mẹ.

Hiện tại, một trường tiểu học đang mượn tạm một trong những ký túc xá của trung tâm cho đến khi một ngôi trường dành cho 500 chú nhỏ có thể được xây dựng.

Bước kế tiếp là xây dựng một trường trung học và trung tâm đào tạo nghề. Một phòng khám chữa bệnh do 2 bảo mẫu, các y tá có đủ tay nghề và các tình nguyện viên nước ngoài đảm trách.

Để rèn luyện và thấm nhuần tính kỷ luật, đức kiên trì, và tinh thần tập trung, một chương trình giao lưu văn hóa bằng môn võ Thiếu Lâm được đưa vào dạy tại Trung tâm Giáo dưỡng Blantyre.

Khoảng 100 chú nhỏ hiện đang luyện tập võ nghệ do các võ sư nhà sư đến từ chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Mỗi sáng, các em đều tham dự các khóa lễ và học giáo lý nhà Phật.



Tập luyện võ Thiếu Lâm tại ACC Malawi

Trung tâm Giáo dưỡng Phật A-Di-Đà cũng hỗ trợ các tổ chức trong các cộng đồng khác ở các huyện lân cận. Các tổ chức này hiện đang ủng hộ trên 2000 thiếu nhi và hơn 1500 thanh niên .

Trung tâm Giáo dưỡng Phật A-Di-Đà (ACC) có các chi nhánh ở Harare (Zimbabwe), Nhlanguano (Swaziland), Mafikeng (Lesotho) và Yaound (Cameroon). Kế hoạch tiếp theo là thành lập các trung tâm ở Zambia và Tanzania.



Thượng tọa Hui Li và 30 em của trung tâm sẽ có chuyến tham quan từ thiện ở Malaysia và Brunei với chủ đề Truyền bá Hạt giống Tình thương (Spread The Seeds Of Love) từ ngày 28-11 đến ngày 30-12-2009.

Phái đoàn sẽ có chương trình biểu diễn từ thiện tại các thành phố: Ipoh, Penang, Johor, Petaling Jaya, Kuantan, Kuala Lumpur, Kelantan, Muar, Malacca, Kota Kinabalu, Miri, Bintulu, Sibul và Kuching.

Các nhà tổ chức của chuyến tham quan này là Viện Giáo dưỡng Trẻ em Đại từ (Persatuan Anak-anak Yatim Eduwis Selangor), Trung tâm NSS (một tổ chức từ thiện ở Ipoh) và

Quỹ tài trợ Hai Tao.

(*) Theo wikipedia.org, Albert Schweitzer (14 tháng 1 năm 1875 – 4 tháng 9 năm 1965) là tiến sỹ, bác sỹ, nhà triết học, nhà thần học người Đức, sau mang quốc tịch Pháp. Ông đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1952 vì đã có công lao to lớn giúp đỡ người châu Phi, bất chấp gian khổ, bệnh tật. Ông đã có khoảng 50 năm chữa bệnh cho người dân Gabon, một đất nước nằm ở miền tây Trung Phi. Khi qua đời, ông được an táng tại đây. (ND)

Thích Minh Trí theo The Star

Nếp sống đạo đức, lành mạnh của người Phật tử

Bhik.Samāhipuñño Định Phúc



Đối với hàng Phật tử tại gia, năm giới là năm điều học căn bản để tạo dựng nên một nếp sống đạo đức, tốt đẹp và lành mạnh. Không chỉ trong đạo Phật mà năm điều đạo đức này còn là năm điều kiện để tạo dựng một xã hội an lành, trật tự và phát triển bền vững.

Năm giới gồm: 1- Từ bỏ sự hại chết sinh mạng. 2- Từ bỏ việc lấy của không cho. 3- Từ bỏ hành vi tà vạy gian dâm. 4- Từ bỏ lời

nói dối. 5- Từ bỏ sự uống rượu và các chất say. (1)

Người sống thiện hạnh, luôn sống trong thiện pháp, năng gìn giữ giới hạnh, trau dồi đạo đức, hạnh kiểm thì hẳn nhiên không bao giờ cảm thấy gánh nặng của sợ hãi và hồ thẹn. Trái lại, gánh nặng này đè lên tâm của người ác, người phá năm giới suốt ngày đêm, khiến họ ăn không ngon, ngủ không yên. Vì thế, Đức Phật dạy rằng việc gìn giữ năm giới sẽ đem đến năm sự lợi ích: 1- Do nhân không dễ duôi nên đạt được tài sản lớn. 2- Danh thơm tiếng tốt đồn xa. 3- Đi đến bất cứ hội chúng nào cũng dạn dĩ ung dung. 4- Chết không hôn mê. 5- Sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào nhân cảnh cõi trời. (2)

Ai không hại sinh linh/ Không nói láo ở đời/ Không lấy của không cho/ Không đi đến vợ người/ Người nào không đắm say/ Rượu

men và rượu nấu/ Đoạn tận năm hận thù/ Được gọi là có giới/ Mạng chung, sinh trí tuệ/ Được sinh lên cõi lành. (3)

Trong 45 năm thuyết pháp, Đức Phật đã dành nhiều thời giờ để trực tiếp nói chuyện với những gia chủ sống tại gia, có vợ con, nhiều tài sản. Đối với những người như vậy, Đức Phật luôn luôn khuyến cáo họ sống đạo đức, sống thiện, giữ năm giới. Vì thế, chúng ta cần tìm hiểu xem năm giới cấm mà Đức Phật khuyên dạy trong đời sống thực tiễn, nên áp dụng như thế nào cho đúng đắn với tinh thần của Phật giáo.

1. Tránh xa sự sát sinh

Đúng đầu là giới không sát sinh, yêu cầu mọi người chớ có tự mình giết hay bảo người khác giết. Bảo vệ, tôn trọng giá trị của sự sống, đó là một khái niệm trung tâm của đạo đức Phật giáo. Công hiến lớn lao của đạo Phật là tôn trọng mạng sống muôn loài chúng sinh, chứ không phải chỉ riêng mạng sống của loài người. Đức Phật lên án mọi hình thức hủy hoại sự sống, Ngài từng lên án tập tục tế đàn của đạo Bà-la-môn vì giết hàng trăm dê, cừu, bò để cúng thần linh.

Chú giải Pháp cú kể rằng: Ngày xưa có người lính thấy cô vợ quá đẹp của người khách trọ nên bày kế độc giết hại người chồng để cướp người vợ. Do ác nghiệp nặng nề nên mạng chung người lính bị đọa địa ngục A-tỳ, chịu cực hình khổ sở rất lâu, bị đánh như thế liên tiếp một trăm kiếp(4). Một câu chuyện khác, có cô gái vì giết cừu để đãi bạn mà phải sinh vào địa ngục đau khổ vô vàn, sau đó còn phải bị cắt cô vô số lần bằng với số lông cừu đã giết (5).

2. Tránh xa sự trộm cướp

Nói về giới trộm cướp, không phải chỉ là trộm cướp mà còn gồm cả những hành vi như buôn lậu, tham nhũng, lừa đảo, lật lọng trong buôn bán để kiếm lợi bất chính, lạm dụng hay chiếm dụng của công... Việc tránh sự trộm cướp chính là dạy cho mình nếp sống lương thiện, không tham của người khác và biết đủ với những gì mình đang có. Sống trung thực, lương thiện, tuyệt đối không xâm phạm tới tài sản, của cải của người khác, dù là cây kim, sợi chỉ. Sống biết đủ, bằng lòng với số tài sản của mình, có được nhờ lao động của bản thân, không nghĩ cách làm giàu thêm bằng những cách lừa lọc, không chính đáng, phi đạo đức.

Kinh Tiêu bộ có ghi: Vua Bimbisāra nằm mộng nghe thấy những âm thanh rùng rợn, bất an. Vua đến trình bạch Đức Thế Tôn sự việc này. Đức Thế Tôn giải thích rằng: đó là những quyến thuộc của vua trong thời quá khứ, vì phạm ác nghiệp trộm cắp vật thực nên phải sinh vào làm loài ngựa quý đau khổ. Nhờ vua Bimbisāra phát tâm thiết lễ đặt bát vật thực, cúng dường y phục đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng suốt một tuần lễ tại hoàng cung để hồi hướng phước lành đến thân nhân đang khổ đau trong cõi khổ. Do sự hồi hướng đó, thân nhân thoát kiếp ngựa quý, sinh làm chư thiên ở trong sự cai quản của Tứ đại Thiên vương (6).

3. Tránh xa sự tà dâm

Những người nào có hành vi tà vạy, bất chính xấu xa trong quan hệ tình ái mà không phải là vợ, là chồng của nhau, những người ấy vi phạm thuần phong mỹ tục, bị xã hội lên án mà còn vi phạm học giới thứ ba này. Con người hiện đại nếu như không tiết dục sẽ phát sinh những hậu quả như: gia đình tan nát, tỷ lệ ly dị cao, dẫn tới tình cảnh trẻ con

sống bơ vơ, thiếu tình cảm, không được giáo dục, thanh thiếu niên phạm tội ngày càng nhiều.

Không vừa đủ vợ mình/ Được thấy giữa dâm nữ/ Được thấy với vợ mình/ Chính cửa vào bại vong. (7)

Vào thời Đức Phật Kassapa, có bốn thanh niên vô công rồi nghề, chỉ biết ăn nhậu và tung tiền mua chuộc vợ người để tiêu khiển. Cứ như thế họ phạm tội tà dâm, đến lúc mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ, bị khổ hình đau đớn trong thời kỳ giữa hai vị Phật ra đời. Vì quả báo ác nghiệp chưa tiêu, tái sinh họ lại bị đọa vào Thiết địa ngục lớn sáu mươi dặm. Mỗi người đều mong muốn đọc lên một câu kệ, nhưng chỉ thốt được một vần đầu, rồi lại rơi vào Thiết địa ngục (8).

4. Tránh xa sự nói dối

Nói dối tai hại nhiều mặt, nhất là ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín cá nhân, đến sự ổn định xã hội. Con người chỉ có thể sống chung an lạc trong bầu không khí tin cậy lẫn nhau, mọi người đều nói thật. Nếu mọi người đều nói dối thì đó là dấu hiệu sụp đổ của một xã hội. Một người đã sống không thật với người khác và với bản thân mình thì sẽ không bao giờ tìm đến sự thật, chứ đừng nói chứng ngộ sự thật.

Cũng vậy, này Rāhula, đối với ai biết mà nói láo, không có tâm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm. (9)

Trong thời Đức Phật Kassapa, có hai anh em, người anh tên Sodhana, người em tên Kapila. Cả hai đều có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, xin xuất gia trở thành Tỳ-khưu. Khi xuất gia, Tỳ-khưu Sodhana hành thiền

và đắc quả A-la-hán. Còn Tỳ-khưu Kapila được học thông kinh điển, có đông đồ chúng và được nhiều lợi dưỡng. Say sưa với kiến thức của mình và bị ma tham danh chi phối, Kapila trở nên tự phụ. Khi người ta nói đúng thì Kapila bảo sai, khi người ta nói sai thì Kapila bảo đúng, việc có tội Kapila nói là vô tội, việc vô tội cho là có tội v.v... Về sau lâm chung, Kapila với thái độ như thế đã vào ngục Avīci. Kapila thọ khổ trong ngục Avīci suốt vô số kiếp trôi qua trong thời gian giữa hai vị Phật. Do dư báo của nghiệp ác, về sau tái sinh làm con cá nơi dòng sông Aciravatī có màu vàng óng nhưng hơi thở hôi thối vô cùng. (10)

5. Tránh xa sự uống rượu và các chất say

Tác hại của say nghiện thì ai cũng biết, tỷ lệ tai nạn giao thông, các vụ tội phạm, vô vàn bệnh tật do say nghiện tăng cao tới mức báo động.

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản hiện tại bị tổn thất, đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ âm tàng (lỏa lò thân thể), và thứ sáu là trí lực tổn hại. Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy. (11)

Một người bình thường không dám làm việc ác, nhưng một khi người ấy uống rượu bia và các chất say vào bị kích thích, không còn tự chủ, trở thành người hung hăng, liều lĩnh, dám làm mọi ác nghiệp như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, chửi rủa.

Chuyện kể rằng, trong kinh thành Bārāṇasī thời ấy, vào ngày giới hàng tháng, người ta không sát sinh, cho nên người đầu bệp phải mua thêm thịt vào trước ngày giới, để dành phần cho ngày hôm sau. Do sơ suất, ông cắt

giữ món thịt ấy không cẩn thận, nên bị con chó ăn mất hết. Ông đã cố gắng làm những món ăn thơm tho ngon lành xong, mà chưa dám đem dâng lên đức vua. Ông vào tâu với hoàng hậu và được bảo rằng: vua yêu mến hoàng tử lắm, cứ cho hoàng tử ngồi chung với vua thì vua sẽ không để ý. Theo kế hoạch, hoàng tử được đặt ngồi trên vé của đức vua.

Tuy nhiên, khi vua ngự thiện, trong con say rượu và thèm thịt, vua đã giết hoàng tử và ra lệnh làm món ăn cho vua thưởng thức. Sáng ngày hôm sau thức dậy, tỉnh con say, vua muốn gặp hoàng tử nên hỏi thăm mới biết sự thật như vậy. Khi đã nhận thức rõ tội ác khủng khiếp phát sinh từ rượu, vua bèn chấp chặt đôi tay đưa lên trán, phát nguyện rằng: “Kẻ từ kiếp này về sau, trăm nguyện sẽ không bao giờ uống rượu nữa, để không còn thấy cảnh tự làm khổ mình và làm khổ những người thân yêu”. (12)

Người cư sĩ sống tại gia, có những điều mà xã hội vẫn xem là hành xử tốt đẹp lương thiện (như uống rượu mừng trong lễ tiệc chẳng hạn), nhưng xét về mặt đạo đức Phật pháp hay nhân quả nghiệp báo thì những điều ấy có thể vẫn gây ác nghiệp đưa đến quả báo khổ đau. Do đó, người cư sĩ cần phải có lòng hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, để tu tập giữ giới cho tốt đẹp. Khi có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi thì tự nguyện giữ giới, không cần sự bắt buộc.

Trên đây là năm giới cấm dành cho người Phật tử tại gia, được xem như là năm lối sống đạo đức, giúp hoàn thiện nhân cách để xây dựng một nếp sống lành mạnh, an lạc cho tự thân, gia đình và xã hội.

Bhik.Samādhipuñño Định Phúc

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Mối Tình Có Duyên

Vua Kinh có một người thiếp rất xinh đẹp mà vua đặc biệt sủng ái. Hoàng hậu thấy vậy cũng đem lòng yêu mến cung chịu mỹ nhân này như con gái yêu của mình. Một hôm hoàng hậu bảo người thiếp:

- Bệ hạ bảo em rất xinh đẹp, duy có chiếc mũi hơi thô. Nếu em tìm cách che mũi đi mỗi khi diện kiến ngài thì chắc bệ hạ sẽ yêu em hơn.

Thiếu nữ ngây thơ tin lời. Mỗi khi gặp mặt vua, nàng thường dùng một chiếc khăn lụa che mũi. Vua trông thấy thế ngạc nhiên hỏi hoàng hậu. Hoàng hậu nhất định không nói. Vua gạn hỏi mãi, bà mới thưa:

- Muôn tâu thần thiếp nghe cô ta bảo rằng mồ hôi của bệ hạ có mùi khó ngửi quá! Xin bệ hạ rộng lòng dung thứ cho...

Vua nổi giận lôi đình, truyền cắt mũi mỹ nhân. Hoàng hậu chỉ chờ có thế, liền sai một người tâm phúc đang chực sẵn, thi hành ngay mệnh lệnh.

Nàng ái thiếp bị thất sủng từ đó.



Con đường và hương vị giải thoát

Kiến Thường Văn tổng hợp

Phật là một trạng thái tâm tinh giác, hoàn toàn vắng bóng sân giận, ganh ghét, vô minh, tham dục, kiêu mạn... Khi giải thoát khỏi những điều đó, sẽ giải thoát khỏi luân hồi vì luân hồi.

Chư Phật tuyên thuyết giáo pháp thâm diệu, phù hợp với mọi loại căn cơ của chúng sinh, hay khả năng trí tuệ của mỗi cá nhân. Phật tử cần phải chất lọc được tinh túy của giáo pháp, tích hợp hết thảy thành một pháp vị duy nhất, để từ đó thực hành hàng ngày. Nói chung, dù thực hành Phật giáo Đại thừa, Phật giáo Nguyên thủy hay Phật giáo Kim Cương thừa thì cốt yếu có thể đúc kết ở ba điểm: (1) không làm điều ác, (2) làm hết thảy việc lành và (3) rèn luyện tâm ý mình.

Phật, Pháp và Tăng là gì? Phật là một trạng thái tâm tinh giác, hoàn toàn vắng bóng sân giận, ganh ghét, vô minh, tham dục, kiêu mạn... Khi giải thoát khỏi những điều đó, sẽ giải thoát khỏi luân hồi vì luân hồi.

Tiếp đến người thực hành Phật pháp cần phải thấu hiểu luật nhân quả. Bất cứ điều gì ta làm đều chắc chắn tuân theo quy luật này. Khi bạn đã hiểu rõ về nhân quả, bạn sẽ tới chùa gặp một bậc thầy và thưa rằng: con muốn thụ giới và phát nguyện “Kể từ nay về sau, con xin quy y Phật, trạng thái tâm hoàn toàn thoát khỏi những xúc tình tiêu cực,

nghiệp và luân hồi, con xin quy y Pháp, giáo pháp của Ngài, và quy y Tăng, tập hội những vị hành giả vĩ đại”. Bạn sẽ nói ba lần như vậy.

Giải thoát quan của Phật giáo

Sau khi đã tin tưởng vào quy luật nhân quả, giới nguyện đầu tiên của người thực hành Phật pháp là “không bao giờ làm tổn hại bất kỳ chúng sinh nào”. Đó là lý do tại sao sau khi Quy y, ít nhất bạn cần phải phát nguyện giữ giới không sát sinh. Rồi khi thụ giới không trộm cắp, giới không tà dâm, và giới không nói dối, không phải chỉ là tiểu vọng ngữ, mà cả đại vọng ngữ với mong muốn kiếm lợi hoặc làm hại người khác, hoặc để lừa người khác. Sau đó, bạn thụ giới không uống rượu, và nếu bạn muốn thì cũng có thể thụ giới không lập gia đình. Như vậy sau khi đã hiểu biết về Phật Pháp Tăng, bạn tin và hiểu rằng mọi thứ đều là nhân quả. Nhờ thế, bạn kiểm soát được các xúc tình tiêu cực, hành động tiêu cực, thực hiện nhiều thiện hạnh hơn, suy nghĩ tích cực hơn. Như thế bạn được xem là Phật tử ở cấp độ đầu tiên, là người có quan kiến đúng đắn rằng nghiệp và nhân quả là có thật. Nếu tôi muốn sức khỏe, giàu có, tái sinh vào đường lành..., tôi phải có tâm thiện, phải hành thiện, tôi không được làm những điều xấu xa, v.v...

Tiếp theo khi đã thấu hiểu và tin sâu sắc vào

luật nhân quả, bạn sẽ khát khao được thực hành Phật pháp để mang lại lợi ích cho mình và cho người. Đức Dudjom Rinpoche nói rằng: “Dù bạn nằm mơ hàng trăm năm hay chỉ năm phút thì khi bạn tỉnh dậy cũng đều như nhau.” Như nhau ở chỗ nó không thực sự tồn tại, và không có gì có thể nắm bắt được. Khi bạn đã thấu hiểu, khi bạn đã đi xa hơn trên đạo lộ tâm linh, khi bạn nhận ra rằng “Sự giàu có, thuận lợi trong cuộc sống hiện tại là chưa đủ, tôi muốn giải thoát khỏi cuộc sống phàm trần này”. Đây là những cấp độ đầu tiên trên đạo lộ thực hành giáo pháp giải thoát.

Để phá vỡ vòng quay của luân hồi, bạn phải nhìn sâu vào bên trong và nỗ lực thấu hiểu được tính vô thường và tính không của “ngã”, tính không của cái “tôi”, cái ”ngã” không thực sự tồn tại, hiện hữu. Tiếp đó, bạn có thể giữ các giới xuất gia như giới Tỳ kheo, giới Sa di, giới cư sĩ... hay bất kỳ giới nào bạn muốn. Thông thường, những giới luật gốc rất quan trọng bởi đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng nói: Nếu bạn là người hào phóng trong đời này thì bạn sẽ trở nên giàu có trong đời sau, nhưng nếu bạn không trì giữ bất kỳ giới luật nào trong đời này, thì đời kế tiếp rất khó để có thể được tái sinh làm người.

Người Phật tử giác ngộ và giải thoát cái gì?

Đối với một hành giả thực hành thường nhật cũng như vậy, việc giữ giới rất quan trọng bởi vì nó tạo ra một ranh giới theo nghĩa

“Tôi là một Phật tử, tôi là người thực hành theo Phật Pháp, tất nhiên tôi còn rất nhiều lỗi lầm, tôi không hoàn hảo. Nhưng đây là ranh giới mà tôi sẽ không vượt qua, tôi sẽ không vượt qua ranh giới này để tước đoạt đi mạng sống của ai đó, tôi sẽ không vượt qua ranh giới này để làm hại ai đó.” Vì thế đặt ra ranh giới là rất quan trọng. Nếu bạn không làm thế, từ vô thủy, chúng ta đã huân tập biết bao sân giận, tật đố, những điều bất thiện, vì thế chúng ta rất khó kiểm soát bản thân. Trì giới là cách để ngăn bạn sát hại, ngăn bạn tước đoạt mạng sống, ngăn bạn trộm cắp tài sản của người khác, ngăn bạn nói dối. Cuối cùng là giới uống rượu. Rượu là một giới bởi khi uống rượu, bạn mất khả năng phân biệt tốt xấu. Khi không còn khả năng phân biệt thì bạn cũng sẽ phạm tất cả những giới nguyện khác. Đó là lý do vì sao là Phật tử chúng ta không nên uống rượu. Tôi cho rằng chúng ta phải giữ tối thiểu năm giới. Điều này rất quan trọng.

Nếu bạn muốn trở thành một hành giả Đại thừa, bạn sẽ phải có một số giới nguyện. Trong Đại thừa Phật giáo có hàng Bồ Tát tại gia và Bồ Tát xuất gia. Bồ Tát xuất gia là chư Tăng Ni, nhưng cũng có Bồ Tát là những cư sĩ bình thường. Nếu bạn nhìn lại lịch sử cuộc đời đức Phật, có rất nhiều đời Ngài làm vua, Ngài sinh làm ông chủ, v.v... Chư Bồ Tát có thể tái sinh làm cư sĩ. Nhưng như tôi đã nói, giới nguyện ở cấp độ đầu tiên là không sát sinh, không trộm cắp, không nói dối, không làm hại người khác..., chủ yếu để bảo vệ bản thân bạn, bảo vệ giới

nguyện không làm tổn hại tha nhân. Nếu bạn không giữ giới không làm hại chúng sinh, bạn không thể thực hành lợi tha. Đó là lý do cho dù bạn là một Bồ Tát thì những giới đầu tiên vẫn cần phải được trì giữ. Trên nền tảng đó, bạn phát nguyện trì giữ giới Bồ Tát. Giới nguyện Bồ tát thường là “tôi muốn được giải thoát không chỉ riêng bản thân khỏi luân hồi, mà tôi muốn giải thoát cho tất cả chúng hữu tình, tôi muốn tất cả chúng sinh đều đạt được giác ngộ. Còn ngay trong đời này, bất kỳ điều gì họ mong nguyện, dù đó là sự giàu có hay hạnh phúc, tôi mong muốn có thể đem lại cho họ. Để có thể làm được như vậy, tôi nguyện tinh chuyên thực hành Phật Pháp.”

Giới Bồ tát có thể được luận giải ở ba phương diện:

Thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới, nghĩa là Bồ tát sẽ không làm những điều bất thiện gây hại cho mình, cho người.

Thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là tôi sẽ không keo kiệt, tôi sẽ nhẫn nại, tôi sẽ thiên định để giải thoát bản thân, để làm những việc lợi lạc chúng sinh.

Thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới, nghĩa là hành lợi tha theo mong nguyện của chúng sinh.

Hiểu sai về mục đích của thiên định, bạn khó giải thoát khỏi luân hồi sinh tử

Trong luân hồi luôn có những nỗi khổ, như nỗi khổ phải cách xa những người, những môi trường mà mình quý mến, hay gặp phải

những sự việc, những người, những hoàn cảnh trái ngã, bất như ý. Đây là những khổ đau mà bất kỳ ai, dù giàu hay nghèo, đều phải trải qua. Chúng ta mong muốn giải thoát chúng sinh khỏi luân hồi, đó là lý do vì sao chúng ta thực hành Phật Pháp. Thực hành Phật Pháp với động cơ thanh tịnh, nghĩa là không phải vì mục đích tự lợi, không phải để trở nên giàu có hay vì những phù hoa giả tạm thế tục, mà mục đích hoàn toàn để giúp đỡ tha nhân. Đó là cách tiếp cận của Đại thừa trong thực hành giáo Pháp.

Trước đây Kim Cương thừa hầu hết được hộ trì và gìn giữ trong vòng bí mật. Nếu bạn nhìn lại lịch sử đạo Phật thì truyền thống Nguyên thủy được giảng dạy rất công khai và phổ biến nhờ đóng góp không nhỏ của Tôn giả Xá Lợi Phất. Đặc biệt khi Đức Phật còn tại thế, giáo pháp được thuyết giảng và thực hành chủ yếu là Phật giáo Nguyên thủy. Dù cùng do Đức Phật tuyên thuyết nhưng Đại thừa chỉ thực sự hưng long và nở rộ trong thời kỳ của Tu viện Nalanda, khoảng 400 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn. Tu viện Nalanda đã trở thành một trường Đại học Phật giáo ở Ấn Độ với đa số những giảng sư, những bậc thầy đã hoằng truyền giáo lý Đại thừa rộng khắp muôn nơi như Ngài Long Thọ, Ngài Vô Trước,... Đó là thời kỳ lịch sử huy hoàng của Phật giáo Đại thừa, của những đạo sư và đệ tử Đại thừa mà chúng ta có thể truy tầm lại được.

Kim Cương thừa luôn được coi là truyền thừa bí mật bởi vì việc thực hành đòi hỏi phải có những tri kiến căn bản về vô thường, xả

ly, khổ đau của luân hồi, nghiệp và kế đó là khai phát Bồ đề tâm mạnh mẽ và hoàn thiện các Ba la mật, nếu trực tiếp đi thẳng vào chân lý tuyệt đối của vạn pháp thì ngay lập tức họ không thể hiểu được hoặc có thể rơi vào tà kiến của cách hiểu sai lệch do thiếu trí tuệ thực chứng.

Khi bắt đầu tu tập Kim Cương thừa, điều tối quan trọng là người thực hành cần thọ nhận quán đĩnh. Đây chính là ngưỡng cửa và là đặc trưng của Kim Cương thừa để hành giả có thể thực hành nghi quỹ tu trì theo một Bản tôn (ví dụ đức Quan Âm, đức Dược sư hay Trí tuệ Văn thù...) nhất định. Nói cách khác, quán đĩnh là nghi thức nhập môn mà người thầy truyền trao cho đệ tử, bao gồm mô tả, giảng nghĩa, quán tưởng, thứ lớp tu tập cùng với các nghi thức cúng dường và trì tụng chân ngôn tương ứng. Quán đĩnh trong Mật tạng có nghĩa là truyền trao kinh nghiệm, năng lực, trí tuệ tích lũy qua nhiều thế hệ các bậc thầy tới người đệ tử. Quán đĩnh về thân giúp người thụ nhận được gieo hạt giống tri kiến về tính không của vạn pháp và của bản thân. Quán đĩnh khẩu giúp người thụ nhận có tri kiến về tính không của âm thanh để cởi bỏ thái độ bám chấp và định kiến với âm thanh, chẳng hạn như phản ứng trước những lời khen chê v.v... quán đĩnh về tâm giúp người thụ nhận hiểu rằng mọi phiền não, mọi tư tưởng, suy nghĩ cũng như mọi hành vi thiện, bất thiện đều không tồn tại như chúng đang hiển diện. bản chất chân thật của tâm vốn thanh tịnh, trong sáng, bất nhị và hoàn hảo, song chúng ta không nhận

ra bản chất đó vì những tập khí cố hữu và những quan niệm của chúng ta phản ánh thành sự ghen tỵ, sân giận hoặc xúc tình bên ngoài.

An lạc và giải thoát

Điểm ưu việt của Kim Cương thừa là không đàm luận nhiều về những vấn đề như “bất nhị” mà là những phương tiện, những khai thị chỉ thẳng, trực tiếp giúp người thực hành trực kiến tự tính tâm, chứng ngộ Phật tính vốn sẵn nơi bản tâm. Thay vì thuyết giảng vạn pháp đều có bản chất tính không, Kim Cương thừa chỉ ra rằng mọi hiện tượng tự bản lai vốn toàn thiện, nhưng tri kiến của những người phạm phu lại nhìn nhận mọi thứ thành bất tịnh. Thông qua các phương pháp quán tưởng chư Phật, cõi Tịnh độ xuất hiện một cách toàn hảo, viên mãn, người thực hành dần chuyển hóa những tri kiến bất tịnh, nhiễm ô trở thành thanh tịnh. Như thế thay vì phải rời tới những nơi hẻo lánh để an định tâm, trốn tránh những sân giận, tật đố, người thực hành ngay lập tức chuyển hóa những cảm xúc bất thiện như ganh ghét thành trí tuệ để làm lợi ích tối đa chúng sinh. Thay vì nói suông: “điều này xấu, điều kia tốt”, hoặc “người này thế này, kẻ kia thế nọ”, người thực hành chuyển hóa tất cả chúng sinh trở thành những chúng sinh thanh tịnh nơi cõi Tịnh độ.

Như vậy trong Phật giáo Kim Cương thừa, nhờ vào quán tưởng người thực hành có thể có được sự định tâm, định ở đây có nghĩa là khả năng tập trung vào một chủ điểm. Đó là

điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai, cho dù còn có vô số nguyên nhân sâu xa liên quan tới sự quán tưởng, song lúc này vì phàm phu còn đang có nhiều quan niệm về đẹp, xấu, thiện-bất thiện..., vô số khái niệm nhị nguyên như vậy, nên thông qua quán tưởng, bằng cách quán rằng môi trường xung quanh đều thanh tịnh, rằng cõi này là cảnh giới tịnh độ, mọi bậc thầy đều là Phật, hết thầy Tăng Già là chư Bồ tát, đất nước này cũng là cõi tịnh độ, mọi quán tưởng của người thực hành đều hướng tới sự thanh tịnh vô nhiễm. Sở dĩ hướng tới sự thanh tịnh vô nhiễm là vì nếu như không có những khái niệm nhị nguyên, người thực hành sẽ không phân biệt xấu đẹp, khen chê. Tất cả mọi thứ vốn hoàn hảo tự nhiên. Xấu hay tốt là do khái niệm nguỵ tạo! Việc quán tưởng giúp người thực hành hiểu ra rằng nếu như không phải do sự tạo tác của tâm phàm phu thì vạn pháp vốn tự nó đã hoàn hảo và toàn thiện.

Như vậy có những tri kiến, tâm nguyện và công hạnh ở mức độ khác nhau nhất định khi thực hành Phật giáo Nguyên thủy, Đại thừa và Kim cương thừa nhưng tựu chung lại pháp vị giải thoát thì không khác. Sự vĩ đại của đức Thế tôn chính là ngài đã truyền trao vô số giáo pháp tùy hợp từng căn cơ mỗi chúng sinh. Mỗi người thực hành có thể tùy cơ lựa chọn, chất lọc tinh túy của giáo để thực hành sao cho lợi ích bản thân và cộng đồng nhiều nhất.

Giải thoát là cốt lõi của đạo Phật



Khoảng tháng 1/2015 có bài thơ "Mai Tôi Đi" không đề tên tác giả được phổ biến khắp nơi - Khiến nhiều người đọc sững sờ, về những lời tác giả sáng tác trong bài thơ, thấy buồn nhưng rất thanh thản!

Tác giả biết trước sự ra đi của mình trong nay mai nên đã sáng tác bài thơ này bằng Tiếng Anh và cũng chính tác giả đã chuyển sang Việt Ngữ, phổ biến trên Facebook.

Tìm hiểu, thì được biết tác giả là: ông Thái Thúc Hoàng Minh, con ruột của cố đạo diễn Thái Thúc Nha (Alfa Film) trước 1975. Tạ thế 13.2.2015 tại Đà Lạt.

Nhà thơ Thái Thúc Hoàng Minh cũng chính là Cậu ruột của nữ ca sĩ Thanh Lan.

MAI TÔI ĐI

*Mai tôi đi... Chẳng có gì quan trọng!
Lẽ thường tình, như lá rụng công viên,
Như hoa rơi trước gió ở bên thêm,
Chuyện bé nhỏ giữa dòng đời động loạn...*

*Trên giường bệnh, Tử Thần về thắp thoáng,
Xin miễn bàn, thăm hỏi hoặc cầu an,
Khi xác thân thoi thóp trút hơi tàn,
Nằm hấp hối đợi chờ giờ vĩnh biệt.*

*Khoảnh khắc cuối... Đâu còn gì tha thiết...
Những tháng ngày hàn nhiệt ở trần gian.
Dù giàu sang hay danh vọng đầy tràn,
Cũng buông bỏ trở về cùng cát bụi...*

*Sẽ dứt điểm đời phù du ngắn ngủi,
Để đi vào ranh giới của âm dương,*

Không bàng hoàng trước ngưỡng cửa biên cương,
Bên trần tục, bên vô hình cõi lạ...

Chỉ ước nguyện tâm hồn luôn thư thả
Với hành trang thanh nhẹ bước qua nhanh,
Quên đằng sau những níu kéo giựt dành,
Kết thúc cuộc lữ hành trên dương thế...

Mắt nhắm rồi... Xin đừng thương rơi lệ,
Đừng vòng hoa, phúng điếu hoặc phân ưu,
Đừng quay phim, chụp ảnh để dành lưu.
Gây phiền toái, nợ thêm người còn sống...

Ngoảnh nhìn lại, đời người như giấc mộng,
Đến trần trường và đi vẫn tay không.
Bao trầm thăng, vui khổ đã chát chông,
Nay rũ sạch... Lên bờ, thuyền đến bến...

Nếu tưởng nhớ... Xin âm thầm cầu nguyện,
Nên xem như giải thoát một kiếp người,
Cứ bình tâm, thoải mái với vui tươi,
Kẻ đi trước, người sau rồi sẽ gặp...

Nguyên văn bài thơ bằng tiếng Anh ;

TOMORROW I'M GOING!

Tomorrow I'm going... It's no big a deal,
It happens all the time, like fallen leaves in
the park
Like flowers driven by winds onto the side
walk,
These are minor matters in the turbulent
waters of life...

Death is hovering over my death bed,
Please spare me of comments, visitations,
or prayers of peace
While my breathing is going to cease
And I'm lying, waiting to bid farewell.

These last dying moments... I wouldn't care

less...

The hot and cold months on this planet.
No matter I'm rich or full of glory,
At the end I still return to dust and ashes...

My finite existence decisively comes to an
end
And enters the yin and yang borderlands
I won't be bewildered at the frontier's gate
Earthly realm is on this side, the other an
unimaginable and unknown fate

I only wish my soul always at peace,
Traveling lightly, I quicken my pace
Leaving behind those who push and pull,
While I finish my journey on earth's face...

My eyes are already closed...
Please don't shed tears of sympathy
Please, no flower wreaths, no offerings, nor
condolences,
No videotaping, no picture taking for
memories.

That would only bring stresses and strains
to the surviving...

A quick look behind and life is just like a
dream

I arrived naked and I'm leaving with empty
hands

Many ups and downs, happy and sad
moments piled high,

Now they're all cleared up...I'm stepping on
board, the boat has arrived...

If you miss me... Please silently pray,
And consider a life has been liberated,
Be calm, relaxed, and gay,

I go first, you follow behind, we'll meet
again...

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368